

TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG

# Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 9

Ấn bản 5.6 1983-2002

Họ và tên học sinh \_\_\_\_\_

Lớp \_\_\_\_\_ Khóa \_\_\_\_\_

Thầy/Cô phụ trách \_\_\_\_\_

Số phòng học \_\_\_\_\_

*Có công mài sắt,  
có ngày nên kim.*



Sách Cấp 9, ấn bản 5.6 1983-2002.  
Tài liệu giáo khoa  
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.  
Tháng Hai, 2002.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gửi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang  
P.O. Box 32563  
San Jose, CA. 95152

Điện thoại: (408) 486-7085  
Điện thư: (408) 998-5018  
E-mail: [admin@vanlangsj.org](mailto:admin@vanlangsj.org)  
Web site: <http://www.vanlangsj.org>

## MỤC LỤC

- Nội Quy.			iv
- Lời Mở Đầu.			v
- Định Nghĩa.			vi
- Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả.			vii
- Chữ Cái và Cách Phát Âm.			xi
- Bài 1:	❖ Nhớ Ôn Quốc Tổ.	❖ Thờ Kính Tổ Tiên.	1, 5
- Bài 2:	❖ Gia Đình Em Đón Tết.	❖ Chiều Quê.	7, 11
- Bài 3:	❖ Lê Quý Đôn.	❖ Chuyện Thằng Tí Hon.	13, 17
- Bài 4:	❖ Đi Hội Chợ Tết Miền Bắc California	❖ Áo Dài Việt Nam.	19, 23
- Bài 5:	❖ Ngày Giỗ.	❖ Thì Giờ Rất Quý.	25, 29
- Bài 6:	❖ Trại Hè.	❖ Mưa Dầm Gió Bắc.	31, 35
- Bài 7:	❖ Bài Thi Mẫu Giữa Khóa.		37
	❖ Phiếu Điểm Thi Giữa Khóa.		39
- Bài 8:	❖ Làm Việc Thiện Nguyện.	❖ Nhà Bác Học Trương Vĩnh Ký.	41, 45
- Bài 9:	❖ Lương Thế Vinh.	❖ Anh Em Phải Hòa Thuận.	47, 51
- Bài 10:	❖ Tết Trung Thu.	❖ Ông Ngoại Tôi.	53, 57
- Bài 11:	❖ Ngày Văn Lang.	❖ Lịch Sử Oai Hùng của Dân Tộc Việt Nam.	59, 63
- Bài 12:	❖ Cố Đô Huế.	❖ Con Chồn và Con Gà Trống.	65, 69
- Bài 13:	❖ Quê Hương Tôi.	❖ Ngoài Giờ Học.	71, 75
- Bài 14:	❖ Lễ Phát Thưởng.	❖ Buổi Sáng ở Thôn Quê.	77, 81
- Bài 15:	❖ Bài Thi Mẫu Cuối Khóa.		83
	❖ Phiếu Điểm Thi Cuối Khóa..		85
- Quốc Ca Việt Nam.			87
- Việt Nam Việt Nam.			87
- Tài liệu tham khảo.			88

## NỘI QUY

1. Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục. Học sinh đến lớp trễ 15 phút sau giờ học phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp ban kỉ luật để nhận giấy phép vào lớp.
2. Học sinh nghỉ học phải có thông báo của phụ huynh trước với Thầy Cô giáo, hoặc phải mang theo giấy xin phép của phụ huynh trình bày lí do nghỉ học tuần vừa qua.
3. Học sinh đến lớp trễ 5 buổi liên tiếp, hoặc nghỉ học 3 buổi liên tục mà không có lí do chính đáng, hoặc không xin phép cũng như không có giấy xác nhận của phụ huynh, sẽ không được tiếp tục theo học khóa hiện tại.
4. Học sinh đến trường phải mặc đồng phục gọn gàng.
5. Học sinh phải giữ kỉ luật trong lớp, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy Cô giáo trực tiếp phụ trách. Vi phạm kỉ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học trong một thời gian hoặc vĩnh viễn.
6. Học sinh phải hòa nhã đối với bạn cùng lớp, cùng trường.
7. Học sinh phải tham dự đầy đủ các kì thi trong khóa, phải làm đầy đủ bài tập mỗi tuần. Khi vắng mặt trên 5 buổi học, dù có lí do chính đáng cũng sẽ không được lên lớp trong khóa tới.
8. Học sinh phải gìn giữ vệ sinh chung của trường và lớp học, tuyệt đối không được di chuyển đồ đạc, sách vở cũng như trợ huấn cụ của lớp học.
9. Học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên trường các vật dụng như: vật bén nhọn, chất nổ, ma túy, hóa chất cũng như vũ khí.
10. Học sinh phải tham dự các sinh hoạt của Trung Tâm dưới sự hướng dẫn của ban Điều Hành và Thầy Cô giáo.

## LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 12 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 12. Mỗi tập gồm có 15 bài học trong lớp và 15 bài làm ở nhà. --- Riêng 5 tập đầu có 16 bài. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose, California, U . S . A.

## ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.  
Tiếng Việt có 23 chữ cái:  
*a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.*
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).  
Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:  
- 12 nguyên âm: *a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.*  
- 17 phụ âm đơn: *b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.*  
- 11 phụ âm ghép: *ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.*
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.  
Thí dụ: *a, o, ui, iết, ong, iêng, ươn* v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.  
Thí dụ: *A! bông hồng đẹp quá.*  
Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.  
Thí dụ:  
- *A, ba, nhà* là ba từ đơn.  
- *Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng* là bốn từ ghép.

## Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả

(Thầy cô tùy nghi áp dụng các dấu trong khi giảng dạy)

### A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn qu**ả** nh**ớ** k**ẻ** tr**ờ**ng c**ây**.
- G**ầ**n m**ự**c th**ì** đ**en**, g**ầ**n đ**èn** th**ì** r**ạ**ng.

2) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Ch**ị** Th**ù**y b**ỏ** k**ẻ**o v**ào** t**úi** áo.
- C**á**i r**ằ**ng c**á**i t**óc** là v**óc** c**on** n**g**ười.

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đứng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- C**ụ** T**o**àn th**ích** ăn **o**ản.
- N**u**ớc V**iệ**t Nam có ba m**ie**n : B**ắ**c, T**r**ung, N**am**.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- H**ãy** y**ê**u th**ư**ơng n**g**ười đ**ồng** l**o**ại.
- Ông bà n**g**o**ại** em có lòng đ**o**ái th**ư**ơng n**g**ười th**ie**u ăn, th**ie**u mặc.

## B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

### 1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu ( ) hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác .....

### 2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (˘) hoặc có dấu nặng (•) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi .....

\* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

*“ Em Huyền (˘) mang Nặng (•) Ngã (~) đau  
Anh Không ( ) Sắc (´) thuốc Hỏi (?) đau chỗ nào ”.*

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hỏa hoạn, Thổ thần ....



## C- Viết chính tả với chữ i và y.

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách, viết báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này.

Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

*"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.*

*Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyến cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.*

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

### I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ i khi i ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

***Trước kia viết:***

lý do  
địa lý  
đi tỵ nạn  
một tỷ đồng  
v. v. . .

***Nay sẽ viết:***

lí do  
địa lí  
đi tị nạn  
một tỉ đồng

## II. Về chữ *y*.

Chỉ viết chữ *y* dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ *y*) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú <i>y</i>	ngồi <i>y</i>
<i>y</i> kiến	<i>y</i> phục
<i>y</i> lại	v. v. . .

2. Tuy *y* và *i* đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm *y* dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm *i* ngắn được như :

● Từ có vần:

nước <i>cháy</i> (ay)	không thể viết
ngày <i>nay</i> (ay)	không thể viết
say <i>túy lúy</i> (uy)	không thể viết
cô <i>Thúy</i> (uy)	không thể viết
v. v. . .	

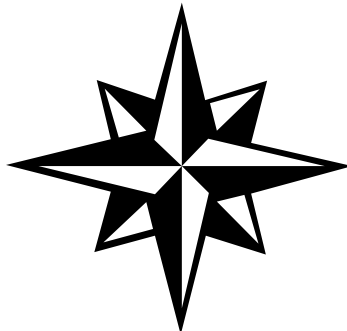
● Từ có vần:

nước <i>chái</i> (ai)
ngày <i>nai</i> (ai)
say <i>túi lúi</i> (ui)
cô <i>Thúi</i> (ui)

3. Với *y* dài hay *i* ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu <i>Í</i>	(tên nhà văn)
Lý Thường Kiệt	(tên một danh tướng)
Mỹ Tho	(tên một tỉnh)
Mỹ Quốc	(tên một nước)
v. v. . . .	

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết *i* ngắn và khi nào viết *y* dài.



## 23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A	B	C	D	Đ	E	G	H
a	b	c	d	đ	e	g	h
I	K	L	M	N	O	P	Q
i	k	l	m	n	o	p	q
R	S	T	U	V	X	Y	
r	s	t	u	v	x	y	

### THÊM DẤU

Dấu mũ: ˆ      Dấu á: ˆ      Dấu móc: ˆ

### CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A	Ă	Â	B	C	D	Đ	E
a	á	ớ	bờ	cờ	dờ	đờ	e
Ê	G	H	I	K	L	M	N
ê	gờ	hờ	i	ca	lờ	mờ	nờ
O	Ô	Ơ	P	Q	R	S	T
o	ô	ơ	pờ	quờ	rờ	sờ	tờ
U	Ư	V	X	Y			
u	ư	vờ	xờ	i-cờ-rét			

# 12 NGUYÊN ÂM ĐƠN

A	Ă	Â	E	Ê	I
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ớ</i>	<i>e</i>	<i>ê</i>	<i>i</i>
O	Ô	Ơ	U	Ư	Y
<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>u</i>	<i>ư</i>	<i>i-cờ-rét</i>

# 11 PHỤ ÂM GHÉP

CH	GH	GI	KH	
<i>chờ</i>	<i>gờ-hát</i>	<i>giờ</i>	<i>khờ</i>	
	NG	NGH		
	<i>ngờ</i>	<i>ngờ-hát</i>		
NH	PH	QU	TH	TR
<i>nhờ</i>	<i>phờ</i>	<i>quờ</i>	<i>thờ</i>	<i>trờ</i>

## BÀI MỘT



- 1- "Ai về Phú Thọ cùng ta,  
Vui ngày giỗ tổ tháng Ba mừng mười.
- 2- Dù ai đi ngược về xuôi,  
Nhớ ngày giỗ tổ mừng mười tháng Ba."

Ca dao

- Chính tả - Học thuộc lòng.

### Nhớ ơn Quốc Tổ

Vua Hùng dựng nước Văn Lang,  
Đến nay tính đã bốn ngàn năm dư.  
*Triều đình* văn, võ *uy nghi*,  
Lấy điều *nhân nghĩa trị vì* nước ta.

Dạy dân thờ cúng ông bà,  
Hết lòng yêu mến mẹ cha, xóm làng.  
Dạy dân cấy lúa, trồng dâu,  
Nuôi tằm dệt lụa mở đầu nghiệp nông.  
Dạy dân chài lưới biển, sông,  
Tránh loài *thủy quái* siêng năng vẽ mình.

Trái bao sóng gió *phù sinh*,  
Mà dân Việt mãi vươn mình tiến lên.  
Nhớ ơn quốc tổ Hùng Vương,  
Toàn dân đốt nén tâm hương nguyện cầu.

#### Giải nghĩa:

- *Triều đình*: Nơi vua và quan họp bàn việc nước. - *Uy nghi*: Oai phong, nghi vệ.  
- *Nhân nghĩa*: Lòng thương người và cách đối xử theo lẽ phải. - *Trị vì*: Cai trị, điều hành nước. - *Thủy quái*: Thú dữ dưới nước. - *Phù sinh*: Cuộc đời mau tàn.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• Phân biệt tiếng.

**đơ**

**giờ**

**vơ**







Đơ bản - Đơ dáy  
Đơ dáng

Giờ tay - Giờ cao  
Gầy giờ xương

Vơ lấy - Vơ vội  
Bơ vơ - Nhận vơ

• Ứng dụng.

Hãy điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

<p>1</p>  <p>Áo có vết _____.</p>	<p>2</p>  <p>Vũng nước _____.</p>	<p>3</p>  <p>Tâm _____ xin nói.</p>
<p>4</p>  <p>Chó gầy _____.</p>	<p>5</p>  <p>Bé _____ đồ chơi.</p>	<p>6</p>  <p>Trẻ lạc _____.</p>

**Giải nghĩa:**

- **Đơ dáy:** Rất bần thủ. - **Đơ dáng:** Không biết hổ thẹn.
- **Bơ vơ:** Trơ trọi, không có người trông nom. - **Nhận vơ:** Nhận những gì biết rõ không phải của mình. - **Ứng dụng:** Đem những tiếng vừa học đặt thành câu.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Nước Văn Lang do vua nào dựng nên ? Tính đến nay độ bao nhiêu năm ?
- b- Các vua Hùng cai trị dân như thế nào ?
- c- Các vua Hùng dạy dân chúng những gì ?
- d- Viết câu ca dao nhắc nhở dân Việt nhớ ngày giỗ tổ Hùng Vương ?

**II - Điền vào chỗ trống: DỜ, GIỜ hay VỜ**

- a- Chớ để bàn tay \_\_\_\_\_ bản.
- b- Em nào làm bài xong hãy \_\_\_\_\_ tay lên.
- c- \_\_\_\_\_ cao đánh khề.
- d- Không nên \_\_\_\_\_ đũa cả nắm.
- đ- Kẻ trộm \_\_\_\_\_ vét hết đồ đạc trong nhà.
- e- Không ai ưa người \_\_\_\_\_ dáng.

- Đặt câu:

**dờ bản - gày giờ xương - vờ vét**

**III - Thêm dấu hỏi ( ? ) hay dấu ngã ( ~ ) trên các từ in nghiêng:**

- a- Hoa sen mọc **bai** cát lằm,  
Tuy rằng lằm lạp **van** màu hoa sen.
- b- Có công đèn sách hôm nay.  
Ngày sau thi **đô** thành tài mới hay.
- c- Làm ơn ắt **hăn** nên ơn,  
Trời nào phụ **ke** có nhưn bao giờ.
- d- Đội ơn chín **chư** cù lao,  
Sinh thành **ke** mấy non cao cho bằng.

- Đặt câu:

Viết hai câu với tiếng có dấu hỏi ( ? ) và hai câu với tiếng có dấu ngã ( ~ ).

**Giải nghĩa:**

- **Vờ đũa cả nắm:** Chê trách không phân biệt kẻ tốt, kẻ xấu hoặc việc hay, việc dở.
- **Vờ vét:** Lấy hết.

• **Bài đọc để đối thoại.**

### **Con Rồng Cháu Tiên**

Theo huyền sử của nước Việt Nam, cách đây trên bốn ngàn năm, họ Hồng Bàng làm vua đầu tiên. Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ sinh được một trăm người con.

Lạc Long Quân là dòng dõi Rồng, còn bà Âu Cơ là dòng dõi Tiên. Bởi vậy, một hôm Lạc Long Quân mới bảo vợ rằng:

-Ta là nòi giống Rồng mà nàng là nòi giống Tiên, ăn ở lâu dài với nhau không được. Nay ta chia con ra, cho nàng năm mươi đứa đem lên núi, ta đem năm mươi đứa xuống biển.

Nói xong, vợ chồng chia tay nhau, mỗi người đem con đi một ngả. Người con đầu được phong làm vua nước ta tức là Hùng Vương Thứ Nhất.

Vua Hùng đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu, nay thuộc tỉnh Vĩnh Yên. Các vua Hùng làm vua được 18 đời theo tục cha truyền con nối. Hiện nay còn lăng miếu vua Hùng ở núi Hùng, thuộc phủ Lâm Thao tỉnh Phú Thọ.

Hàng năm cứ đến ngày 10 tháng 3 âm lịch thì có lễ giỗ các vua Hùng, gọi là giỗ Tổ. Do sự tích này, người Việt Nam ta ngày nay tự hào là con Rồng cháu Tiên hay con Hồng cháu Lạc.

#### **Giải nghĩa:**

- **Huyền sử:** Lịch sử có tính cách kì lạ và thần thoại. - **Dòng dõi:** Những người có cùng dòng máu. - **Phong:** Ban, cấp chức tước.

- **Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:**

1. Theo huyền sử nước ta, dân tộc Việt Nam thuộc dòng giống Rồng Tiên. Vậy Rồng Tiên do đâu mà có ?
2. Theo truyền thuyết thì bà Âu Cơ sinh ra mấy người con ?
3. Các vua Hùng dạy dân những gì ?
4. Hàng năm người Việt có lễ gì vào ngày mùng 10 tháng ba Âm lịch ?
5. Các em hãy kể một câu chuyện trong thời vua Hùng.



## Bài làm ở nhà 1

- Hình ảnh quê hương.

### Thờ Kính Tổ Tiên

Mỗi gia đình Việt Nam chúng ta đều lấy sự thờ cúng tổ tiên làm trọng.

Vào ngày lễ hàng năm, con cháu trong dòng họ *tề tựu* đông đủ ở *từ đường*, cùng nhau ôn lại *thân thế, sự nghiệp* của gia tiên. Rồi lần lượt từng người thành kính đến lễ lạy trước bàn thờ nghi ngút khói hương. Cúng lễ xong, họ hàng chung vui trong bữa ăn thân mật.

Ngoài ra mỗi nhà còn thiết lập bàn thờ ông bà. Cứ đúng vào ngày giỗ, gia đình tổ chức họp mặt con cháu. Trước là để tưởng nhớ đến công ơn *sinh thành dưỡng dục* của ông bà. Sau đó cháu con có dịp vui chơi quây quần bên cha mẹ. Câu ca dao:

Con người có cố, có ông,  
Như cây có cội, như sông có nguồn.

nhắc nhở chúng ta hãy hướng về *nguồn cội* để mà *cư xử* sao cho phải đạo làm người.

#### Giải nghĩa:

- *Tề tựu*: Họp lại với nhau. - *Từ đường*: Nhà thờ tổ tiên của một họ. - *Thân thế*: Cuộc đời riêng của từng người. - *Sự nghiệp*: Công việc lớn, có ích cho mọi người.  
- *Sinh thành*: Đẻ ra. - *Dưỡng dục*: Nuôi nấng và dạy dỗ. - *Nguồn cội*: Ý trong bài này là tổ tiên. - *Cư xử*: Đối đãi, ăn ở tốt với người.

#### 1. Câu hỏi.

- Việc làm quan trọng trong mỗi gia đình Việt Nam là gì ?
- Vào những ngày giỗ tổ, họ hàng con cháu tụ họp ở đâu ?
- Mọi người trong dòng họ làm gì trong ngày giỗ ?
- Chép lại câu ca dao nhắc nhở mỗi người đều có tổ tiên.
- Tìm đại ý bài trên.

2- Giải nghĩa, đặt câu:

**gia đình - tề tựu - vợ vét**

3- Viết hai câu với tiếng có dấu hỏi ( ? ) và hai câu với tiếng có dấu ngã ( ~ ).

4- Chép lại và thêm dấu:

### Cây Sen

Trong đầm gì đẹp bằng sen,  
La xanh bông trắng lại chen nhị vàng.  
Nhị vàng bông trắng la xanh,  
Gan bun ma chang hoi tanh mui bun.

Ca dao

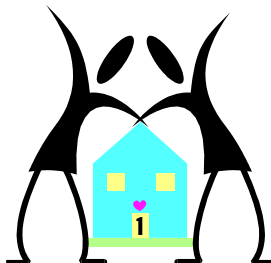
5- Tập làm văn:

Dựa theo bài “ Nhớ Ôn Quốc Tổ ”, hãy viết một đoạn văn sáu (6) dòng trở lên.

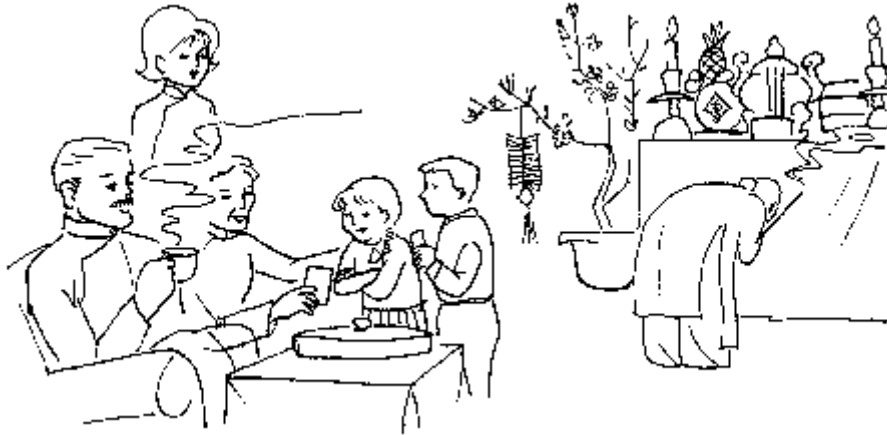
- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“ Nhớ Ôn Quốc Tổ ” và “ Thờ Kính Tổ Tiên ”



## BÀI HAI



- **Chính tả:**

### Gia Đình Em Đón Tết

Người Việt Nam rất trọng ba ngày *Tết Nguyên Đán*. Chiều ba mươi Tết, gia đình em sửa soạn *cúng rước tổ tiên*. Trên bàn thờ, khói hương *nghi ngút*. Mấy cành đào đỏ thắm, hoa cúc vàng rực rỡ. Bánh chưng, bánh tét và các loại trái cây được bày cạnh bộ lư đồng bóng loáng . . . Chúng em thức đến nửa đêm để đón *Giao Thừa*. Sáng mừng một Tết, cậu mợ Hoàng, dì Kim cùng gia đình em quây quần bên bàn thờ để cúng gia tiên. *Phảng phất* trong làn hương như có linh hồn của tổ tiên về chứng kiến cảnh sum họp của con cháu.

Chúng em lần lượt chúc thọ ông bà, cha mẹ. Mọi người nói cười vui vẻ. Các em vui chơi thỏa thích trong ba ngày Tết cùng với những bao tiền lì xì mỗi lúc mỗi đầy túi áo. Không khí gia đình thật *đằm ấm*.

#### Giải nghĩa:

- *Tết Nguyên Đán*: Tết đầu năm Âm lịch. - *Cúng rước tổ tiên*: Cúng mời ông bà về dự Tết với gia đình. - *Nghi ngút*: Khói hương tỏa ra nhiều. . - *Giao thừa*: Thời điểm lúc năm cũ bước sang năm mới. - *Phảng phất*: Thoáng qua một cách nhẹ nhàng, có lúc tựa biến mất. - *Đằm ấm*: Đậm đà, thuần thảo, yên vui.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• Phân biệt tiếng.

xâu

sâu

râu




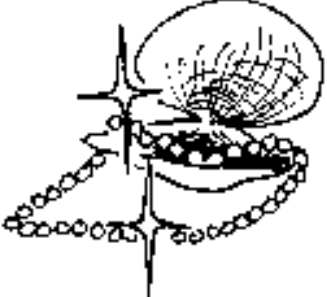


Xâu kim - Xâu chuỗi  
Xâu chìa khóa - Xâu xé

Sâu bọ - Răng sâu  
Sâu hoắm - Hang sâu

Râu cằm - Râu bấp  
Râu quai nón

• Ứng dụng.

Hãy điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

<p>1</p>  <p>Bé khóc vì _____.</p>	<p>2</p>  <p>Một _____.</p>	<p>3</p>  <p>_____ rất mềm.</p>
<p>4</p>  <p>_____ ngọc trai.</p>	<p>5</p>  <p>Hang đá _____.</p>	<p>6</p>  <p>Ông già Noel có _____ _____ bạc phơ.</p>

Giải nghĩa:

- **Xâu xé:** Tranh giành, giằng xé nhau. - **Sâu hoắm:** Lồm vào rất nhiều.

- **Râu quai nón:** Râu mọc từ hai bên thái dương suốt tới cằm.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Người Việt Nam ăn Tết Nguyên Đán trong mấy ngày ?
- b- Em đón Giao Thừa vào lúc nào ?
- c- Sáng mùng một Tết ông bà làm gì ?
- d- Con cháu chúc thọ ông bà, cha mẹ như thế nào ?

**II - Điền vào chỗ trống: XÂU, SÂU hay RÂU**

- a- Một \_\_\_\_\_ chìa khóa rơi trên lề đường.
- b- Bác Bảo có \_\_\_\_\_ quai nón.
- c- Bé Oanh rất sợ con \_\_\_\_\_ .
- d- Giếng \_\_\_\_\_ thăm thăm.
- đ- Anh chị em phải nhường nhịn, không \_\_\_\_\_ xé lẫn nhau.
- e- Ông em có chùm \_\_\_\_\_ bạc trắng.

- Đặt câu:

**xâu xé - con sâu - râu quai nón**

**III - Thêm dấu mũ ( ^ ) hay dấu á ( ˇ ) vào các từ in nghiêng:**

- a- Anh đi trốn lính, *gap* nàng trốn *xau*.
- b- Nhỏ *rau* ông nọ, cấm *càm* bà kia.
- c- *Rau* hùm, hàm én, mày ngài.
- d- Sông *sau* còn có kẻ dò,  
Lòng người nham *hiếm*, ai đo cho cùng.
- đ- Ao sâu *lám* cá, độc dạ khốn *than*.
- e- *Thàng* Bờm có cái quạt mo,  
Phú ông xin đổi ba bò chín *trau* .

- Đặt câu:

Viết hai câu với tiếng có dấu mũ ( ^ ) và hai câu với tiếng có dấu á ( ˇ ).

**Giải nghĩa:**

- **Xâu:** *Sưu, công tác dân phải làm cho nhà nước không tiền công. (trốn xâu, lậu thuế)*
- **Độc dạ khốn than:** *Người có tâm địa độc ác thì sẽ gặp điều khốn khổ.*

- **Bài đọc để đối thoại.**

## Tết Nguyên Đán

Đầu năm Âm lịch (Mùng một tháng giêng) là Tết Nguyên Đán. Năm mới đến, những sự may mắn mới cũng đến, và bao nhiêu cái xui xẻo của năm cũ sẽ qua đi. Mọi người đều vui vẻ, lòng chứa chan hi vọng, gặp nhau cùng chúc cho nhau mọi sự như ý với **Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh**.

Tết Nguyên Đán bắt đầu từ nửa đêm ba mươi tháng Chạp âm lịch tức là **lúc giao thừa**. Vào giờ này, chuông trống các đình chùa rền vang, pháo nổ giòn giã từ nhà này qua nhà khác, khắp thôn quê cho tới các nơi thành thị. Sau khi cúng giao thừa xong, các gia chủ sửa soạn đi lễ các đền, chùa, nhà thờ để cầu phúc, cầu may.

Khi đi người ta đã tính hướng **xuất hành** để mong may mắn suốt cả năm. Lúc trở về, còn có tục bẻ một cành cây nhỏ gọi là hái lộc đầu năm. Về đến nhà là đã sang năm mới, **gia chủ** xông nhà mình để cầu được mọi sự tốt lành đến với gia đình. Nếu không xuất hành, gia chủ còn mời người có tính tình vui vẻ đến **xông nhà** để được may mắn suốt năm.

### Giải nghĩa:

- **Phúc:** Điều tốt lành. - **Lộc:** Của cải giá trị. - **T thọ:** Sống lâu. - **Khang:** Sự khỏe mạnh.  
- **Ninh:** Sự bình yên, an lành. - **Xuất hành:** Đi ra khỏi nhà lần đầu tiên trong ngày đầu năm Âm Lịch kể từ sau giao thừa. - **Gia chủ:** Người chủ nhà, chủ một gia đình. - **Xông nhà:** Theo tục lệ xưa, bất cứ ai gia đình nào đó lần đầu tiên trong ngày mùng Một Tết Nguyên Đán để mang lại điều tốt lành suốt cả năm.

- Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:

1. Tết Nguyên Đán có nghĩa là gì ?
2. Người Việt Nam rất trọng việc thờ cúng tổ tiên, vậy trong ba ngày Tết, mọi gia đình đều làm gì ?
3. Vì sao mọi người đều chúc cho nhau những điều tốt đẹp trong ngày Tết ?
4. Ca dao Việt Nam có câu:

“ Tháng giêng ăn Tết ở nhà,  
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè. ”

Vậy ngày xưa người Việt Nam vui chơi trong mấy tháng Tết ?

## Bài làm ở nhà 2

- Hình ảnh quê hương.

### Chiều Quê

Mặt trời vừa lặn sau những làng mạc xa xa. Trời chưa tối hẳn. Những **áng mây** cao còn vương lại **ráng hồng** tươi, **phảng phất** trên cánh đồng quê...

Bọn người làm đã nghỉ tay. Trên đường về, mọi người đi thong thả vì thấm mệt. Bên vệ đường, trâu bò vừa tắm rửa xong, còn ham ăn, gặm thêm dăm miếng cỏ non.

Sơn và Hải đón chú Mười, cùng nhau về gần tới nhà. Hải cất tiếng hỏi:

- Chú mệt không ?

Chú Mười trả lời:

- Chú làm ruộng vất vả quen rồi, cũng không lấy gì làm mệt lắm.

Sơn vui vẻ nói:

- Thấy chú khỏe mạnh, lực lưỡng, cháu cũng muốn về quê ở.

Bên góc trời tây, ánh hồng đổi dần sang màu tím nhạt. Vài tiếng chuông chùa văng vẳng trong khoảng yên lặng nơi **thôn dã**.

Tài liệu Bộ Q.G.G.D. ,V.N.C.H

(Tập đọc lớp Ba)

#### Giải nghĩa:

- **Áng mây**: Đám mây. - **Ráng hồng**: Có màu hồng vì phản chiếu ánh nắng mặt trời.

- **Phảng phất**: Lờ mờ, không rõ rệt. - **Thôn dã**: Làng xóm nơi thôn quê.

#### 1- Câu hỏi:

a- Tại sao mây có màu hồng tươi ?

b- Thức ăn của trâu, bò là gì ?

c- Vì sao Sơn muốn về ở quê ?

d- Chép lại câu văn tả tiếng chuông chùa ở làng quê.

đ- Tìm đại ý bài trên.

2- Giải nghĩa, đặt câu:

**Tết Nguyên Đán - áng mây - thôn dã**

3- Viết hai câu với tiếng có dấu hỏi ( ? ) và hai câu với tiếng có dấu ngã ( ~ )..

4- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:

### **Em Học Tiếng Việt**

.....  
Chúng em tha thiết học tiếng Việt.

Mọi sáng Chủ Nhật, chúng em đến trường tập đọc, tập viết. Thầy cô tận tình dạy chúng em nhưng điều cần thiết. Chúng em thích thu được học lịch sử nước nhà. Nhưng tấm gương anh hùng như Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và liệt nữ như Hai Bà Trưng, Bà Triệu khiến chúng em rất cảm động.

*Chúng Em Cùng Học - Cấp 5  
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang*

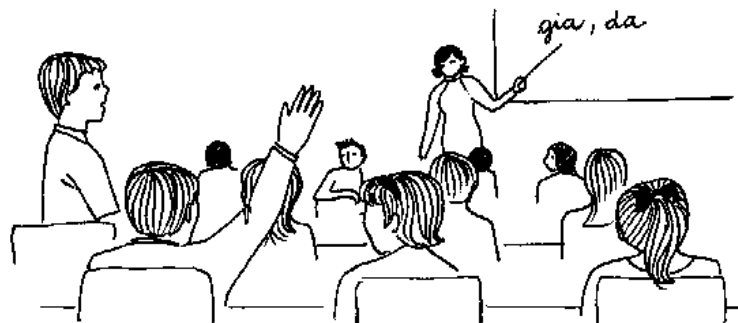
5- Tập làm văn:

Dựa theo bài “ Tết Nguyên Đán ” , hãy viết một đoạn văn sáu (6) dòng trở lên.

#### **• Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“ Gia Đình Em Đón Tết ” và “ Chiều Quê ”





## BÀI BA



- Chính tả.

### Lê Quý Đôn

Ông Lê Quý Đôn người tỉnh Thái Bình, sống vào đời nhà Lê Hiển Tông (1726 - 1784).

Ông thông minh từ thuở nhỏ và có trí nhớ lạ thường. Mới sáu tuổi đã biết làm thơ. Năm mười tám tuổi thi đậu **Bảng Nhãn** và được bổ làm quan. Về sau ông được cử **đi sứ** sang Tàu. Ông đã làm cho vua quan Tàu phục tài **ứng đối** của người Việt Nam. Nhân một hôm đi chơi với các quan Tàu, ông được xem một bài **văn bia** ở ngôi chùa cạnh bờ sông. Khi nước dâng lên, tấm bia bị ngập hết. Quan Tàu muốn thử tài ông, yêu cầu ông đọc lại. Ông đọc không sai một chữ nào, làm cho quan Tàu vô cùng **khâm phục**.

Ông Lê Quý Đôn vừa có tài lại vừa **nhũn nhặn**, giản dị. Đã làm quan mà vẫn tiếp tục học cho đến nửa đêm. Ông viết được nhiều pho sách quý nhưng phần lớn đã bị **thất lạc**.

#### Giải nghĩa:

- **Bảng Nhãn:** Người thi đỗ thứ nhì trong một khoa thi đình thời xưa. - **Đi sứ:** Đại diện cho một nước đi giao thiệp với nước khác. - **Ứng đối:** Trả lời một cách mau lẹ. - **Văn bia:** Bài văn khắc trên bia đá. - **Khâm phục:** Kính mến vì có tài. - **Nhũn nhặn:** Nhún nhường, lịch sự khi tiếp xúc với mọi người. - **Thất lạc:** Bị lạc mất.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Ông Lê Quý Đôn sống vào đời vua nào ?
- b- Ông thi đậu bảng nhãn năm bao nhiêu tuổi ?
- c- Ông có những tài gì ? Trí nhớ của ông ra sao ?
- d- Tính tình và sự làm việc của ông như thế nào ?

**II - Điền vào chỗ trống: CHIỀU hay TRIỀU**

- a- Nước thủy \_\_\_\_\_ lên cao.
- b- Buổi \_\_\_\_\_ mùa đông có gió lạnh.
- c- Dâng lễ vật cho vua một nước khác gọi là \_\_\_\_\_ cống.
- d- Chiều \_\_\_\_\_ ra đứng ngõ sau.  
Trông về quê mẹ ruột đau chín \_\_\_\_\_. (Ca dao)

- Đặt câu:

**buổi chiều - thủy triều - chiều dài**

**III - Thêm dấu hỏi ( ? ) hay dấu ngã ( ~ ) trên các từ in nghiêng:**

- a- Tâm đang tập **ve** cảnh đồng quê.
- b- **Buôi** tối gia đình em sum họp rất vui **ve**.
- c- **Ve** vang danh tiếng với đời.
- d- **Ve** rồng, **ve** rắn. (Thành ngữ)
- đ- **Ve** rắn thêm chân, **ve** hùm thêm cánh. (Thành ngữ)

- Đặt câu:

Viết hai câu với tiếng có dấu hỏi ( ? ) và hai câu với tiếng có dấu ngã ( ~ ).

**Giải nghĩa:**

- **Nước thủy triều:** Sự lên hay xuống của mực nước - **Ve rồng ve rắn:** Chữ viết nguệch ngoạc, xấu xí. Ý nói thêm thắt hoặc bịa đặt một cách quá đáng. - **Ve rắn thêm chân, ve hùm thêm cánh:** Ý nói thêm dật bậy bạ không đúng sự thật.

• **Luận văn.**

## Tả Đồ Vật

### A- Dàn bài mẫu

**1- Mở bài.** Giới thiệu món đồ em sẽ tả bằng cách:

- Cho biết đã gặp vật đó ở đâu ?
- Trong hoàn cảnh, cơ hội hoặc vào dịp nào ?
- Hoặc lý do nào khiến em được biết về đồ vật ấy.

**2- Thân bài.** Viết tổng quát về món đồ:

- Hình dáng, màu sắc, kích thước, chất liệu ...
- Các chi tiết từng phần đặc biệt của món đồ.
- Các bộ phận rời, đi chung với đồ vật này nếu có.
- Các phần kết hợp lại thành món đồ như thế nào.
- Công dụng chung của vật này và công dụng riêng cho em.
- Lợi ích của vật này chung cho mọi người và riêng cho em.

**3- Kết luận.** Ý nghĩ hoặc tình cảm của em đối với đồ vật này.

### B- Dàn bài thực hành.

Đề bài: Tả quyển tự điển Việt Nam.

**1- Mở bài.**

- Khi nào hay trong dịp nào em nhận được quyển tự điển Việt Nam ?
- Và ai tặng cho em ?

**2- Thân bài.** Viết tổng quát về quyển tự điển Việt Nam:

- nặng bao nhiêu ? kích thước như thế nào ? màu sắc ra sao ? chất liệu bằng gì ? ...
- gáy sách được kết chặt hay không ? sách được bao bằng vật liệu gì ?
- các trang giấy được kết hợp theo thứ tự nào ?
- lợi ích của quyển tự điển này chung cho mọi người và riêng cho em.

**3- Kết luận.**

Cảm tưởng của em khi nhận được và sử dụng đối với quyển tự điển này.

• **Việt sử:**

## Trần Quốc Toản

Trần Quốc Toản là một dũng tướng đời nhà Trần. Ông lập được nhiều chiến công nên được vua Trần Nhân Tông (1279-1293) **phong tước** Hoài Văn Hầu.

Năm 1283, Thái Tử Thoát Hoan (con vua Tàu) dẫn quân Mông Cổ sang xâm lăng nước ta lần thứ hai. Thế giặc rất mạnh. Vua Trần Nhân Tông mở **hội nghị** ở bên sông Bình Than (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh), để bàn việc chống giặc. Lúc bấy giờ, Trần Quốc Toản còn nhỏ tuổi cũng đi theo ra nhưng không được dự bàn. Ông tức giận, tay cầm quả cam bóp nát lúc nào không biết.

Khi tan hội, Trần Quốc Toản liền tụ họp những người thân thuộc cùng dân chúng trong làng, sắm sửa **vũ khí** cùng may một lá cờ thêu 6 chữ "**Phá cường địch, báo Hoàng ân**" rồi đem quân đi đánh giặc. Năm 1285, ông cùng tướng Trần Nhật Duật, Nguyễn Khoái đánh quân Toa Đô ở bến Hàm Tử. Sau đó, tại bến Chương Dương ông cùng với các tướng Phạm Ngũ Lão và Trần Quang Khải đánh tan quân Tàu. Thái tử Thoát Hoan phải bỏ chạy về nước.

### Giải nghĩa:

- **Phong tước:** Ban cho chức tước, địa vị.
- **Hội nghị:** Hội họp để bàn luận về một việc gì.
- **Vũ khí:** Đồ dùng để đi đánh trận.
- **Phá cường địch:** Đánh giặc mạnh.
- **Báo hoàng ân:** Đền ơn vua.

### Câu hỏi:

- 1- Ông Trần Quốc Toản là tướng thuộc đời vua nào ?
- 2- Khi quân Tàu sang đánh nước ta lần thứ hai, Vua Trần Nhân Tông mở hội nghị bàn việc chống giặc ở đâu ?
- 3- Lí do gì Trần Quốc Toản không được dự bàn việc đánh giặc ?
- 4- Tại sao ông được tôn là anh hùng ?



## Bài làm ở nhà 3

### • Kể chuyện.

### Chuyện Thằng Tí Hon

Ngày xưa có bác Tiều làm nghề đốn cây trong rừng. Bác có mười đứa con trai. Đứa sau cùng khôn ngoan nhất, tên là Tí Hon.

Vì đông con nên bác nghèo lắm, cơm ăn bữa no, bữa đói. Một đêm kia, người dì ghẻ xúi chồng đem bỏ lũ con vào rừng. Tí Hon chợt thức dậy nghe được, tìm **cuội** trắng bỏ đầy vào túi áo.

Sáng hôm sau, người dì ghẻ đưa lũ con chồng vào rừng, đi quanh co giữa những hàng cây rậm rạp. Đi tới đâu, Tí Hon rắc cuội đến đấy.

Chiều đến không thấy ai trong rừng sâu, chín anh em sợ quá, kêu khóc vang cả một khu rừng. Xa xa, từ dãy núi cao, tiếng **thác** đổ hòa lẫn tiếng hổ gầm, voi rống làm chúng càng thêm hoảng sợ.

Nhưng Tí Hon nói:

- Các anh đừng sợ! Đã có em.

Nói rồi nó theo dấu cuội trắng, dẫn các anh về đến nhà.

*Tài liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục, V.N.C.H*

(Tập đọc lớp Ba)

### Giải nghĩa:

- **Cuội**: Hòn đá nhỏ và nhẵn (láng). - **Thác**: Chỗ nước từ trên núi cao đổ xuống.

### 1- Câu hỏi:

- a- Bác Tiều làm nghề gì ? Ở đâu ?
- b- Đứa nhỏ nhất trong số mười anh em tên là gì ?
- c- Tại sao người dì ghẻ xúi chồng bỏ con vào rừng ?
- d- Làm cách nào Tí Hon biết lối đưa các anh về ?
- đ- Tìm đại ý bài trên.

### 2- Giải nghĩa, đặt câu:

**nhũn nhặn - khâm phục - hội nghị**

### 3- Viết hai câu với tiếng có chữ "d" hay "gi" trong mỗi câu.

**Thí dụ:** Thằng Tí Hon chợt thức **dậy**.

Lũ trẻ đi quanh co **giữa** những hàng cây rậm rạp.

4- Chép lại và thêm dấu:

### Tình Nghĩa Thầy Trò

Thầy co chang ngại công lao,  
Day em học tập biết bao nhọc nhằn.  
Day văn phạm, day làm văn,  
Gang công em học, siêng năng tung ngay.

5- Bài văn mẫu.

### Tả quyển tự điển Việt Nam.

Thứ Bảy vừa qua, em được nhiều quà sinh nhật. Món quà em thích nhất là quyển tự điển Việt Nam do ba tặng.

Đây là cuốn sách nặng khoảng 1 kí lô, khổ nhỏ hơn tập vở và dày khoảng 10 cm. Bìa sách dày, chắc chắn, màu xanh lá cây. Trên bìa sách có chữ màu vàng óng ánh. Gáy sách rất thẳng được kết bằng chỉ thật chặt và công phu. Sách được bao bằng plastic trong suốt trông rất đẹp mắt. Em sung sướng mở từng trang sách ra xem. Mùi thơm giấy mới thật dễ chịu. Chữ in đẹp và rõ nét. Trang đầu là tựa đề, trang kế giới thiệu các phần trong sách rồi đến những từ viết tắt. Còn lại gần 2.000 trang sách là phần giải nghĩa các từ theo thứ tự A, B, C, ..... rất dễ tìm. Đây là một công trình biên soạn rất công phu. Những ai đang học tiếng Việt cần phải có cuốn tự điển này. Từ nay em nhờ nó để học và làm bài. Em không gặp khó khăn như trước, đồng thời tiết kiệm được nhiều thời giờ.

Ôi! sung sướng biết bao! Em cảm ơn ba thật nhiều. Em tự hứa sẽ dùng tự điển thường xuyên để trau dồi tiếng mẹ. Em cũng sẽ giữ gìn cẩn thận để sách luôn được sạch và đẹp như hôm nay.

- **Tập làm văn:**

Hãy tả cuốn sách học Việt Ngữ của em.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:  
“ Lê Quý Đôn ” và “ Chuyện Thằng Tí Hon ”

## BÀI BỐN



- Chính tả.

### Đi Hội Chợ Tết Miền Bắc California

Ngày mồng hai Tết, bố đưa cả gia đình đi hội chợ. Vừa vào đến cổng, em đã thấy bốn con lân đang nhảy múa theo nhịp trống và phèng la inh ỏi. Bé Oanh nắm tay bà ngoại thật chặt. Trước mặt em là một sân khấu cao rộng với nhiều cờ vàng bay phất phới. Một **biểu ngữ** mừng xuân màu sắc rực rỡ. Hai chậu mai lớn mang nhiều hoa vàng được đặt ở hai bên.

Hàng ngàn khách du xuân **dập dìu** trên các lối đi đầy xác pháo đỏ. Quang cảnh hội chợ thật tưng bừng, náo nhiệt. Cả gia đình em dạo qua các gian hàng **triển lãm**. Ông bà ngoại ghé lại gian hàng Hội Đèn Hùng. Bố tìm các báo xuân, sách mới và tranh ảnh. Mẹ và bà ngoại dừng lâu ở các gian hàng mỹ thuật. Sau đó bố cho phép em và Tâm được dự các trò chơi như đánh đu, ném vòng, câu cá ...

Ông bà ngoại cùng bố mẹ dắt bé Oanh vào xem cải lương do các nghệ sĩ tài danh trình diễn. Chúng em hẹn gặp lại gia đình ở **hội viên** Thiên Thai. Nơi đây có cuộc thi tuyển lựa thiếu nhi tài sắc do Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang tổ chức hàng năm.

#### Giải nghĩa:

- **Biểu ngữ**: Tấm bảng bằng giấy hoặc vải có viết chữ ở trên. - **Dập dìu**: Nhiều người đi qua đi lại. - **Triển lãm**: Trưng bày cho mọi người xem. - **Hội viên**: Nơi dùng để trình diễn nghệ thuật.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Gia đình Mai đi hội chợ Tết vào ngày nào ?
- b- Vừa vào cửa Mai đã thấy những gì ?
- c- Có những gian hàng gì trong hội chợ?
- d- Ở hí viện Thiên Thai có trò vui nào ?

**II - Điền vào chỗ trống: RỘN, RỘNG hay RỠN**

- a- Ai cũng bận \_\_\_\_\_ đón Tết.
- b- Tâm mặc áo vừa \_\_\_\_\_ lại vừa dài.
- c- Lòng mọi người \_\_\_\_\_ lên một niềm vui mới.
- d- Một tai nạn rừng \_\_\_\_\_ xảy ra trên xa lộ.
- đ- Biển \_\_\_\_\_ mênh mông.
- e- Cả nhà xem phim ma rừng \_\_\_\_\_ .

- Đặt câu:

**rộn ràng - áo rộng - ghê rợn**

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Chỉ *neo* đưa đường.
- b- Chó *giư* nhà, gà gáy trống canh.
- c- Chim ra *khoi* lồng, khôn trông trở lại.
- d- *Giac* đến nhà, đàn bà *phai* đánh.
- đ- Giàu *ve* vang, sang *lich* sự.
- e- Dao *nang* liếc thì sắc, người năng *chao* thì quen.

- Đặt câu:

Viết hai câu với tiếng có dấu hỏi ( ? ) và hai câu với tiếng có dấu ngã ( ~ ).

**Giải nghĩa:**

- **Bận rộn:** Rộn rã, lảng xảng vì làm nhiều việc. - **Rộn:** Cảm xúc dâng lên.
- **Rùng rợn:** Ghê sợ, gớm ghiếc. - **Năng:** Siêng năng, luôn luôn làm.
- **Rợn:** Trạng thái rùng mình hay lạnh vì sợ.



- **Bài đọc để đối thoại.**

### Tin Tuyển Lựa Thiếu Nhi Tài Sắc

Để khuyến khích các em học sinh Việt Nam chăm học tiếng Việt, giữ gìn truyền thống tốt đẹp của tổ tiên, tập đối đáp, tập ca múa, kể chuyện ... Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang tổ chức cuộc thi tuyển lựa thiếu nhi tài sắc hàng năm tại hội chợ Tết. Trong cuộc thi này thí sinh trả lời một số câu hỏi và sẽ tự chứng tỏ tài năng riêng của mỗi thí sinh. Ban giám khảo căn cứ vào các điểm chính sau đây để trao giải thưởng: lễ phép, hiểu biết, khả năng đối đáp bằng tiếng Việt, tài năng và trang phục.

Các phụ huynh hãy liên lạc với Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang để ghi danh cho con em mình vào ngày ..... tháng ..... năm ..... tại trường.

#### Giải nghĩa:

- **Truyền thống:** Thói quen được truyền từ đời nọ sang đời kia. - **Đối đáp:** Trả lời, kể nói qua người nói lại. - **Tài năng:** Khả năng tài giỏi. - **Yếu tố:** Phần chính, cốt yếu

- Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:

1. Mục đích của cuộc thi tuyển thiếu nhi tài sắc là gì ?
2. Những câu hỏi kỳ này có vừa sức với các thí sinh hay không ?
3. Khi tham dự cuộc thi, các em thí sinh học hỏi được những gì ?
4. Em thích loại y phục của các thí sinh không ? Tại sao ?
5. Những yếu tố quan trọng nào thí sinh được chọn trúng giải ?

- **Ca dao.**

1. Bầu ơi thương lấy bí cùng,  
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
2. Nhiễu điều phủ lấy giá gương,  
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

- **Địa lí.**

### **Quặng Mỏ**

Việt Nam có nhiều quặng mỏ như:

Mỏ than có nhiều ở Hòn Gai, Đông Triều, Cái Bàu, Nông Sơn. Mỏ than non ở Tuyên Quang, Lào Cai, Hòa Bình, Ninh Bình, Cao Bằng. Than bùn ở vùng U Minh, Cà Mau.

Mỏ sắt ở Thái Nguyên, Lào Cai, đảo Cái Bàu, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, đảo Phú Quốc. Gần đây, người ta vừa tìm thấy một mỏ sắt có phẩm chất rất cao ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh.

Mỏ kẽm ở Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

Mỏ thiếc ở Cao Bằng.

Mỏ phốt-phát ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Thanh Hóa, quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Mỏ vàng ở Sơn La, Thừa Thiên, Quảng Nam.

*(xem tiếp trang 48)*

**- Câu hỏi:**

- 1- Vùng nào có nhiều mỏ than ở Việt Nam ?
- 2- Ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh, người ta vừa mới tìm được mỏ gì ?
- 3- Quần đảo Trường Sa có mỏ gì ?
- 4- Tại Việt Nam vùng nào có mỏ vàng ?

- **Câu đố vui sử kí.**

*Bạc anh hùng tài không đợi tuổi,  
Sáu chữ, cờ giông ruổi khắp nơi.  
Đánh cho quân giặc tơi bời,  
Chương Dương, Hàm Tử, rạng ngời chiến công.*

## Bài làm ở nhà 4

- Hình ảnh quê hương.

### Áo Dài Việt Nam

Chiếc áo dài giúp cho *phụ nữ* Việt Nam có một nét đẹp dịu dàng, tha thướt.

Kiểu áo có thay đổi chút ít theo thời gian. Như cổ áo khi thì thấp xuống, đôi lúc lại cao lên. Độ chùng hay chiều dài của áo cũng vậy. Nhưng đường nét chung đến nay vẫn giữ được như lúc ban đầu.

Áo dài chỉ đẹp khi được may mặc với quần cũng bằng loại vải mềm, nhất là vải trắng. Hiện nay giới phụ nữ còn ưa điểm hoa, vẽ phượng hay thêu rồng trên mặt vải mềm hoặc nhung mịn.

Nhìn chiếc áo cũng đủ thấy đẹp mắt vì màu sắc tươi mát. Đến khi mặc vào, dáng phụ nữ *thanh tú* hẳn lên. Nhất là khi tà áo nhẹ bay theo làn gió càng tăng lên vẻ *yêu kiều* của những *thiếu nữ xuân thì*.

Chúng ta có thể nói rằng áo dài là niềm *kiêu hãnh* của phụ nữ Việt Nam dù ở nơi đâu trên thế giới.

#### Giải nghĩa:

- *Phụ nữ*: Đàn bà, con gái - *Thanh tú*: Nét đẹp đơn giản. - *Yêu kiều*: Nét đẹp đáng yêu. - *Thiếu nữ xuân thì*: Người con gái còn trẻ. - *Kiêu hãnh*: Điều làm cho mình hãnh diện.

#### 1- Câu hỏi:

- Chiếc áo dài giúp thêm cho người phụ nữ những gì ?
- Chép lại câu văn nói về chiếc áo dài thay đổi theo thời gian ?
- Chép lại câu văn tả nét đẹp của người phụ nữ khi mặc áo dài ?
- Tìm đại ý bài trên.

2- Tìm tiếng phản nghĩa, đặt câu:

**triển lãm - đập dìu - yêu kiều**

3- Viết hai câu với tiếng có chữ "s" hay "x" trong mỗi câu.

**Thí dụ:** - Chiếc áo dài có màu *sắc* tươi mát.  
- Tà áo nhẹ bay theo làn gió càng tăng lên vẻ yêu kiều của những thiếu nữ *xuân* thì.

4- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:

### **Buổi Tối Trong Gia Đình**

Gia đình em dùng bữa cơm xong thì mát trời vừa khuat sau đôi. Cả nhà quay quan nơi phòng khách. Ông ngoại và ba chăm chú đọc báo. Mẹ giúp em làm toán và luan văn. Mẹ luôn dặn em giữ gìn kỉ luật nhà trường và là một học sinh tốt. Bé Oanh thì quan quyết bên ba ngoại để nghe ba kể chuyện có tích .....

Chúng Em Cùng Học - Cấp 6  
TTVNVL

5- Tập làm văn:

Tả đôi giày của em.

#### • **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

**“Đi Hội Chợ Tết Miền Bắc California” và “Áo Dài Việt Nam”**

## BÀI NĂM



Chính tả:

### Ngày Giỗ

Hôm nay là ngày giỗ **bà cố** ngoại của em.

Ông ngoại sắp xếp bàn thờ gọn ghẽ. Bộ lư đồng bóng láng, cặp đèn nến mới tinh và bó hương thơm đặt sẵn trên bàn thờ.

Bà ngoại chưng một bình hoa huệ màu trắng và một đĩa trái cây lớn. Cậu mợ Hoàng và dì Kim cúng trà, bánh và trái cây.

Má em, mợ Hoàng và dì Kim sửa soạn thức ăn để trên bàn thờ. Ông ngoại đốt nến, dâng hương và **lâm râm khấn vái** trước bàn thờ. Mọi người trong gia đình lần lượt dâng hương, lễ bái. Chúng em chấp tay đứng hầu quanh bàn thờ. Bà ngoại ôn tồn kể lại cho con cháu nghe những mẩu chuyện về sự hi sinh quên mình của bà cố để lo cho con cháu trong suốt cuộc đời.

Nhìn lên **di ảnh** của bà cố qua làn khói hương, lòng em tràn ngập một niềm kính mến sâu xa.

Giải nghĩa:

- **Bà cố**: Người sinh ra bà em. - **Lâm râm**: Nói nhỏ nhỏ. - **Khấn vái**: Cầu xin một điều gì. - **Di ảnh**: Tấm hình của người đã chết chụp lúc còn sống để lại.

Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• Phân biệt tiếng.

dai

giai

rai







Dai dẳng - Dai sức  
Nhớ dai - Sống dai

Giai đoạn - Giai nhân  
Giai phẩm - Giai thoại

Lai rai

• Ứng dụng.

Hãy điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

<p>1</p>  <p>_____</p> <p>là người đàn bà đẹp.</p>	<p>2</p>  <p>Chạy lâu cần _____.</p>	<p>3</p>  <p>Có trí _____.</p>
<p>4</p>  <p>Ốm _____</p> <p>suốt cả tháng trời.</p>	<p>5</p>  <p>Truyện Kiều là một _____.</p>	<p>6</p>  <p>Người _____</p> <p>nhất thọ 122 tuổi.</p>

Giải nghĩa:

- **Dai dẳng:** Kéo dài mãi không dứt. - **Giai nhân:** Người đàn bà đẹp.  
- **Giai phẩm:** Tác phẩm, vật hoặc công trình sáng tạo hay, đẹp. - **Giai thoại:** Mẩu chuyện lí thú được truyền tụng rộng rãi trong xã hội. - **Lai rai:** Từ từ, mỗi lúc một ít.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Hôm nay trong gia đình Mai có gì quan trọng ?
- b- Hãy kể ra ông bà ngoại đã sửa soạn những gì ?
- c- Có bao nhiêu người dự đám giỗ này ? Kể tên ?
- d- Bà ngoại kể cho con cháu nghe điều gì ?
- đ- Cảm tưởng của Mai như thế nào ?

**II - Điền vào chỗ trống: DAI, GIAI hay RAI**

- a- Có năng tập thể dục thì thân thể mới dẻo \_\_\_\_\_ .
- b- Ba người bạn nhậu lai \_\_\_\_\_ đến khuya.
- c- Ba tháng nghỉ hè là \_\_\_\_\_ đoạn sung sướng nhất trong năm.
- d- Bé Oanh không khóc \_\_\_\_\_.
- đ- Xã hội nào cũng có nhiều \_\_\_\_\_ cấp.
- e- Đêm qua trời mưa \_\_\_\_\_ dằng suốt cả đêm.

- Đặt câu:

dai sức - lai rai - giai cấp

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Há miệng *mac* quai.
- b- Học thầy *khong* tầy học bạn.
- c- Hà tiện mới *giau*, cơ cầu mới có.
- d- Hòn đất ném đi, *hon* chì ném lại.
- đ- Ai ơi chớ vội *cuoi* nhau,  
Cười người *hom* trước, hôm sau người cười.

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng DAI, GIAI và RAI.

**Giải nghĩa:**

- **Giai cấp:** Tầng lớp người khác nhau trong xã hội. - **Lai rai:** Từ từ, mỗi lúc một ít.

- **Bài đọc để đối thoại.**

## Thờ Cúng Tổ Tiên

Có thể nói rằng mọi người Việt Nam đều lấy sự thờ cúng tổ tiên làm trọng, vì tổ tiên sinh ra ông bà, cha mẹ, rồi sau mới có mình. Vì thế cho nên người con hiếu thảo phải biết ơn nghĩa sinh thành của cha mẹ và đã hiếu thảo với cha mẹ thì lại càng phải nhớ ơn ông bà, tổ tiên, tức là nguồn gốc của gia đình mình.

Lúc ông bà, cha mẹ còn sống, con cháu phải phụng dưỡng, tuân theo những lời dạy bảo, lựa ý chiều chuộng để các người vui lòng. Khi các người trăm tuổi thì phải lo chôn cất và thờ cúng trong các ngày giỗ, ngày Tết, để tỏ lòng biết ơn và thành kính của con cháu. Ngoài ra khi lấy vợ, lấy chồng, sinh con, đi học, đi thi, đi làm ... bất cứ việc gì quan trọng là người Việt Nam cũng làm lễ trình báo với tổ tiên. Lễ vật không cần thiết, có khi chỉ là bông hoa, chén nước lạnh cũng đủ nhưng cốt nhất là ở lòng thành kính của con cháu.

Hàng năm, vào ngày lễ Thanh Minh hay vào tháng Chạp trước Tết Nguyên Đán, con cháu lại cùng nhau đi thăm mộ tổ tiên tại các nghĩa trang.

*Theo Tín Ngưỡng Việt Nam (Toan Ánh)*

- Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:

1. Mọi gia đình Việt Nam đều lấy sự thờ cúng tổ tiên làm trọng. Do đó trong mỗi nhà người Việt đều có gì ?
2. Trong ngày giỗ, em thấy những gì trên bàn thờ ?
3. Điều quan trọng trong ngày giỗ là để tưởng nhớ đến người quá cố hay là để tụ họp ăn uống ?
4. Vì sao mọi người trong đại gia đình đều tụ họp với nhau trong ngày giỗ ?
5. Người Việt Nam còn cúng giỗ tổ tiên vào những ngày nào khác trong năm ?

- **Tục ngữ.**

1. Giấy rách phải giữ lấy lề.
2. Tốt danh hơn lành áo.
3. Ở ác gặp ác,  
Ở hiền gặp lành.



## Bài làm ở nhà 5

- Tập đọc - Học thuộc lòng.

### Thì Giờ Rất Quý

Sáng lại tối, tối rồi lại sáng,  
Dần dần trôi hết tháng, hết năm.  
Học hành ta cố ta chăm!  
Biếng lười thua kém, tối tăm cuộc đời.  
Đừng ham vui, mê chơi hơn học,  
Quý biết bao tuổi ngọc, tuổi ngà.  
Một giờ lỡ bỏ trôi qua,  
Dấu vàng ngàn lượng, khó mà chuộc mua.

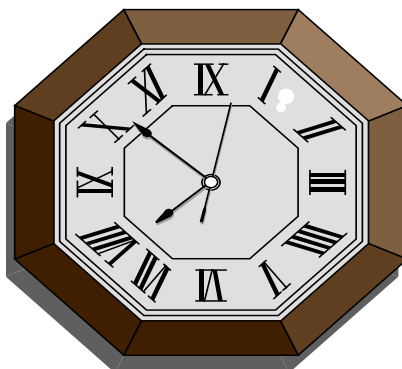
Nguyễn Hữu Bào

#### Giải nghĩa:

- *Trôi:* (Thời gian) qua đi mau. - *Suốt đời:* Hết cả đời người.
- *Tuổi ngọc, tuổi ngà:* Tuổi trẻ quý như ngọc như ngà.

#### 1- Câu hỏi:

- a- Ý của hai câu thơ đầu bài nhắc nhở các em điều gì ?
- b- Chép các câu thơ nêu lên cuộc đời tối tăm ?
- c- Hãy cho biết vàng bạc hay thời giờ quý giá hơn ? Tại sao ?
- d- Bài trên khuyên nhủ các em điều gì ?



2- Giải nghĩa, đặt câu:

**bà cố - dai dẳng - giai phẩm**

3- Viết hai câu với tiếng có dấu hỏi ( ? ) và hai câu với tiếng có dấu ngã ( ~ )..

4- Chép lại và thêm dấu:

### **Tình Bạn**

Ban toi o cách khu vuon,  
Chung trung, chung lop, chung đuong cung đi.  
Gan nhau thuong muon but chi,  
Cuc gom, cay thuooc, co khi on bai.  
Xa nhau nhung thang nam dai,  
Bao gio song lai nhung ngay trung xua !

*Chúng Em Cùng Học - Cấp 7,  
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang*

5- Tập làm văn:

Tả ngôi trường em đang theo học tiếng Việt.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“ Ngày Giỗ ” và “ Thì Giờ Rất Quý ”



## BÀI SÁU



- Chính tả - Học thuộc lòng.

### Trại Hè

Ôi vui quá! ngày đi cắm trại,  
Xa mái trường lên mãi rừng xanh,  
Lú lo chim hót trên cành,  
Nước hồ **trong vắt**, bức tranh **tuyệt vời!**

Lều đây đó dựng nơi bóng mát,  
Cùng nắm tay ta hát bài ca,  
Cổng chào ngay lối vào ra,  
Trò chơi sắp sẵn, chúng ta bắt đầu ...

Giờ ăn trưa, **thoắt đâu** đã đến,  
Cùng thầy cô thân mến sum vầy,  
Mỗi người góp một bàn tay,  
Thức ăn **đạm bạc**, lòng đầy hân hoan.

Trò chơi lớn, lại càng hăng hái,  
Mở mật thư, tìm lại dấu đi,  
Băng rừng vượt suối xá chi,  
Cho quên ngày tháng học thi **miệt mài**.

#### Giải nghĩa:

- **Trong vắt**: Rất trong. - **Tuyệt vời**: Cực kì, quá sức đẹp. - **Thoắt đâu**: Nhanh, trong chốc lát. - **Đạm bạc**: Giản dị và sơ sài. - **Miệt mài**: Rất chăm chú.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• Phân biệt tiếng:

chí

trí

thí







Chí chóc - Chí lớn  
Báo chí - Bền chí

Trí khôn - Trí nhớ  
Giải trí - Trang trí

Thí sinh - Thí dụ  
Bố thí

• Ứng dụng:

Hãy điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

<p>1</p>  <p>Khỉ cắn nhau kêu _____.</p>	<p>2</p>  <p>Nghe nhạc là để _____.</p>	<p>3</p>  <p>_____ tiếng Việt ở San Jose rất nhiều.</p>
<p>4</p>  <p>Bố _____ nhà cửa.</p>	<p>5</p>  <p>_____ cho kẻ nghèo là làm điều tốt.</p>	<p>6</p>  <p>Tâm là _____ dự thi thiếu nhi tài sắc.</p>

**Giải nghĩa:**

- **Báo chí:** Báo được xuất bản hàng ngày hay định kì. - **Giải trí:** Để cho đầu óc thành thơi bằng cách nghỉ ngơi hay hoạt động thể dục. - **Trang trí:** Sắp đặt các màu sắc hoặc vật thể. - **Thí sinh:** Người tham dự một cuộc thi. - **Bố thí:** Đem tài sản phát cho người nghèo.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Học sinh đi trại hè ở đâu ? Quang cảnh nơi cắm trại thế nào ?
- b- Khi vừa đến nơi đóng trại, các học sinh làm gì ?
- c- Kể những sinh hoạt ở trại ?
- d- Kể những cảm nghĩ của học sinh khi dự trại ?

**II - Điền vào chỗ trống: CHÍ, TRÍ hay THÍ**

- a- Có nhiều \_\_\_\_\_ sinh dự thi thiếu nhi tài sắc.
- b- Học hành để mở mang \_\_\_\_\_ tuệ.
- c- Học hành có \_\_\_\_\_ thì nên.
- d- Hãy rộng tay bố \_\_\_\_\_ cho kẻ nghèo khó.
- đ- Con người có \_\_\_\_\_ khôn hơn loài vật.
- e- Thương để là đáng \_\_\_\_\_ công.

- Đặt câu:

**thí sinh - có chí - trí thức**

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Ở đời chẳng việc gì *kho* ,  
Người ta lập chí *phai* nên kiên.
- b- *Tri* khôn sắp để dạ này.  
Có *cong* mài sắt có *ngay* nên kim.
- c- Trồng *cay* có ngày ăn quả.
- d- Trời nắng *tot* dưa, trời *mua* tốt lúa.
- đ- *Tre* chưa qua, già *đa* đến.
- e- Có *chi* làm quan, có gan làm *giau*.

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng **CHÍ, TRÍ** và **THÍ**

**Giải nghĩa:**

- **Chí** : Ý muốn làm một việc gì. - **Trí tuệ** : Sự hiểu biết sáng suốt. - **Trí khôn** : Sự hiểu biết. - **Bố trí** : Sắp đặt. - **Chí công** : Rất công bình.

- **Văn phạm.**

### Danh từ.

Danh từ là những từ dùng để nói về người, nơi chốn, con vật, vật hay sự việc.

1. Danh từ chỉ về người như:

cha, mẹ, Tâm, Mai, Oanh, học sinh, Lê quý Đôn . . .

2. Danh từ chỉ về nơi chốn như:

Sài Gòn, Hà Nội, San Jose . . .

3. Danh từ chỉ về vật (con vật, đồ vật hay thực vật) như:

- con chó, con mèo, con ngựa . . . (con vật)

- cái đèn, quyển sách, cái nhà . . . (đồ vật)

- cây cam, cây táo, cây hoa hồng . . . (thực vật)

4. Danh từ chỉ về mọi sự việc hay hiện tượng như:

- gia đình, nhà chùa, nhà thờ, quốc gia . . . (sự việc)

- mây, mưa, khói, lửa . . . (hiện tượng)

- **Bài tập.**

Không chép lại theo bài trên, hãy tìm:

- Hai danh từ chỉ về người.
- Hai danh từ chỉ về nơi chốn.
- Hai danh từ chỉ về đồ vật.
- Hai danh từ chỉ về thú vật.
- Hai danh từ chỉ về thực vật.
- Hai danh từ chỉ về hiện tượng.
- Hai danh từ chỉ về sự việc.

### Giải nghĩa:

- **Sự việc:** Chuyện diễn tiến, chuyện xảy ra. - **Thực vật:** Loài cây cỏ.

- **Hiện tượng:** Những hình dáng bày ra rõ ràng trong vũ trụ.

## Bài làm ở nhà 6

- Hình ảnh quê hương.

### Mưa Dầm Gió Bắc

Về mùa đông, khi mưa dầm gió bắc thì phong cảnh nhà quê trông thật tiêu điều buồn bã.

Ngoài đồng thì nước giá lạnh, thỉnh thoảng mới thấy lác đác có người cày hay bừa. Người nào người nấy cặm cùi làm việc, không chuyện trò vui vẻ như khi ấm áp.

Đường xá trong làng vắng tanh, bùn lầy đến mắt cá. Chung quanh mình, không có một tiếng động, chỉ nghe gió thổi vào bụi tre ù ù, giọt nước rơi xuống đất lách tách.

Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư

#### Giải nghĩa:

- **Mưa dầm** : Mưa kéo dài nhiều ngày. - **Gió bắc** : Gió từ phương bắc thổi lại. - **Tiêu điều** : Vắng lặng và buồn tẻ. - **Lác đác** : Thưa thớt, mỗi nơi một ít. - **Cặm cùi** : Chăm chú và mải miết làm việc. - **Vắng tanh** : Rất vắng, không có sự hoạt động của con người.

#### 1- Câu hỏi:

- Gió bắc là gió từ phương hướng nào thổi lại ?
- Phong cảnh nghĩa là gì ?
- Mùa nào thì khí trời ấm áp ?
- Chép câu văn tả cảnh làng vắng lặng, buồn tẻ ?
- Cảnh "Mưa Dầm Gió Bắc" nói về thời tiết của miền nào nước Việt ?
- Tìm đại ý bài trên.

2- Giải nghĩa, đặt câu:

**trong vắt - báo chí - lác đác**

3- Viết:

- Hai câu có danh từ chỉ về người
- Hai câu có danh từ chỉ nơi chốn
- Hai câu có danh từ chỉ con vật
- Hai câu có danh từ chỉ sự việc

4- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:

### **Những Kẻ Lười Biếng**

Thong thuong, nhung ke luoi bieng chi lo an choi va song cho qua ngay. Tien cua con thi tieu pha huy hoac. Tinh tinh tu đac hay noi huenh hoang. Đau oc rong tuech chang nghi gi toi ai ngoai họ. Chợt đen luc trong nha khong con gi thi đi vay muon roi quyêt nớ. Qua tung quan khien ho đi trom cuop ban ngay hoac vao ban đem khuya khoat .....

*Chúng Em Cùng Học - Cấp 7,  
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang*

5- Tập làm văn:

Tả cái xe hơi của ba má em.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Trại Hè” và “Mưa Dầm Gió Bắc”



## BÀI BẢY

### Bài thi mẫu giữa Khóa

Thầy cô dùng bài ôn thi mẫu này để soạn đề thi mà học sinh đã học trong những tuần lễ vừa qua.

#### 1. Chính tả.

- Viết một trong ba bài tập đọc hay chính tả do thầy cô chỉ định trước cho học sinh ôn thi.

- Tìm đại ý bài chính tả.

#### 2. Học thuộc lòng.

- Viết lại một trong hai bài học thuộc lòng:

a- Đầu bài: . . . .

b- Đầu bài: . . . .

- Tìm đại ý bài học thuộc lòng.

#### 3. Thêm dấu.

Chép lại và thêm dấu bài học thuộc lòng hay một đoạn văn như:

#### Em Học Tiếng Việt

.....Chúng em tha thiết học tiếng Việt.

Mọi sáng Chủ Nhật, chúng em đến trường tập đọc, tập viết. Thầy cô tận tình dạy chúng em nhưng điều cần thiết. Chúng em thích thu được học lịch sử nước nhà. Nhưng tấm gương anh hùng như Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và liệt nữ như Hai Bà Trưng, Bà Triệu khiến chúng em rất cảm động.

#### 4. Đặt câu.

Viết hai câu với tiếng có chữ "d" và hai câu có chữ "gi".

#### 5. Sử kí.

Soạn hai câu.

#### 6. Địa lí.

Soạn hai câu.

#### 7. Tập làm văn.

Chọn một trong hai đề tài như:

- a- Tả cái máy điện thoại của nhà em.
- b- Tả một con thú nhồi bông mà em thích nhất.



# PHIẾU ĐIỂM THI GIỮA KHÓA \_\_\_\_\_

Cấp lớp: \_\_\_\_\_

Họ và tên học sinh: \_\_\_\_\_

Thầy cô phụ trách: \_\_\_\_\_

- Tập đọc : \_\_\_\_\_ điểm.
- Tập viết : \_\_\_\_\_ điểm.
- Chính tả : \_\_\_\_\_ điểm.
- Học thuộc lòng : \_\_\_\_\_ điểm.
- Việt sử : \_\_\_\_\_ điểm.
- Địa lí : \_\_\_\_\_ điểm.
- Bài làm trong lớp : \_\_\_\_\_ điểm.
- Bài làm ở nhà : \_\_\_\_\_ điểm.
  
- Số lần đi trễ : \_\_\_\_\_ lần.
- Số ngày vắng mặt : \_\_\_\_\_ ngày.
  
- Hạnh kiểm : \_\_\_\_\_

Lời phê của thầy cô phụ trách :

.....  
.....  
.....  
.....

Ý kiến phụ huynh :

.....  
.....  
.....

Phụ huynh kí tên : \_\_\_\_\_



## BÀI TÁM



- Chính tả.

### Làm Việc Thiện Nguyện

Hôm nay là chiều ngày thứ Bảy vào dịp lễ Tạ Ơn, bố đưa chúng em đến trường Văn Lang. Thầy cô hướng dẫn chúng em đi đến một trung tâm xã hội. Nơi đây chúng em sẽ dọn một bữa ăn cho người nghèo khó, không có nhà ở.

Em và các bạn cùng trường lo sắp xếp thức ăn trên bàn có trải khăn trắng. Mỗi bàn có một bình hoa thật đẹp. Khi những thực khách ngồi vào bàn ăn, chúng em đứng gần để giúp đỡ họ khi cần. Tâm, Khoát và Thạch đứng ở quầy để múc thức ăn vào đĩa.

Mỗi đợt thực khách ăn uống xong, chúng em lại bận rộn dọn dẹp, lau bàn, bày thức ăn mới cho những người đến sau.

Nhìn họ ăn uống thoải mái, chúng em rất vui. Trên đường về nhà lòng em thanh thản.

#### Giải nghĩa:

- **Việc thiện nguyện:** Việc làm từ thiện có tích cách tình nguyện. - **Thực khách:** Người khách được mời ăn uống. - **Cộng đồng:** Một số người trong xã hội có cùng một ngôn ngữ và văn hóa.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Mai cùng các bạn đã làm gì sau Lễ Tạ Ôn vừa qua ? Ở đâu ?
- b- Trong buổi công tác, công việc của Mai là gì ?
- c- Công việc của Tâm và các bạn khác là gì ?
- d- Cảm nghĩ của Tâm và Mai như thế nào sau khi đã làm xong việc ?

**II - Điền vào chỗ trống: KHĂN, KHANH hay KHEN**

- a- Mai dùng \_\_\_\_\_ lau mặt.
- b- Ông ngoại \_\_\_\_\_ Tâm học giỏi.
- c- Nhà vua gọi các quan trong triều là chư \_\_\_\_\_ .
- d- Mai học giỏi mà lại khiêm nhường, thật đáng \_\_\_\_\_ .
- đ- Liên rất ít gặp khó \_\_\_\_\_ khi làm toán.
- e- Trò A cười \_\_\_\_\_ khách khi thấy trò B không chạy nhanh bằng mình.

- Đặt câu:

**khăn bàn - cười khanh khách - đáng khen**

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Chúng ta chung chiếu, chung chăn,  
Chung *quan*, chung áo, chung *khan* đội đầu.
- b- Đứng *núi* này *trong* núi nọ.
- c- Một nư *cười* bằng mười thang thuốc *bô*
- d- Nhập gia *tuy* tục, đáo giang tùy *khuc*.
- đ- Giấy rách *giu* lấy *le*.
- e- Thắt *lung* buộc *bung*.

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng **KHĂN, KHANH** và **KHEN**

**Giải nghĩa:**

- **Chư khanh** : Tiếng nhà vua gọi các quan trong triều. - **Cười khanh khách** : Tiếng cười dòn và dài, có ý ngạo nghễ. - **Khó khăn**: Không dễ dàng, nhiều trở ngại.

- Bài đọc để đối thoại.

### Giúp Đỡ Kẻ Nghèo Khó

Trong xã hội có kẻ giàu, người nghèo. Những người nghèo thường chịu nhiều thiệt thòi cực khổ. Những công tác thiện nguyện mà các em học sinh cần tham gia là giúp đỡ, yêu thương kẻ nghèo khó, săn sóc người bệnh tật hoặc nhật lon, giấy vụn, rửa xe, bỏ tiền vào quỹ *tiết kiệm* .... để giúp họ. Các em cũng có thể trực tiếp giúp đỡ bằng cách: dọn bữa ăn cho người thất nghiệp, những kẻ không nhà hoặc may vá quần áo, dọn dẹp nhà cửa hay dạy trẻ em học ...

Những việc làm thiện nguyện không phải dễ dàng. Đôi khi rất khó khăn, các em cần phải kiên nhẫn, *khiêm tốn* và thật sự yêu thương mới có thể làm việc tốt đẹp được. Tuy nhiên khi làm được một việc thiện nguyện, lòng chúng ta cảm thấy vui vẻ, yêu đời hơn là chỉ *khư khư* lo cho chính mình.

Trong những đức tính tốt của con người thì lòng nhân ái là quan trọng hơn cả.

#### Giải nghĩa:

- *Tiết kiệm*: Dành dụm tiền.
- *Khiêm tốn*: Không cho mình hơn người, không tự kiêu.
- *Khư khư*: Không muốn ai động đến hoặc giữ chặt lấy không chịu rời ra.

- Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:

- 1- Vì sao học sinh nên tham gia vào các công tác thiện nguyện ?
- 2- Là học sinh, chúng ta có thể làm công việc thiện nguyện nào ?
- 3- Thái độ chúng ta khi làm công việc thiện nguyện như thế nào ?
- 4- Sau khi làm công việc thiện nguyện chúng ta cảm thấy thế nào ?
- 5- Đức tính nào là quan trọng nhất ? Vì sao ? Cho thí dụ ?



- **Việt sử:**

### Trần Bình Trọng

Ông Trần Bình Trọng vốn họ Lê (dòng dõi vua Lê Đại Hành), nhưng nhờ lập nhiều chiến công nên được vua Trần phong tước Vương và được đổi sang họ Trần.

Năm 1283, quân Mông Cổ (bên Tàu) sang *xâm lăng* nước ta lần thứ hai. Thế giặc rất mạnh, thành Thăng Long bị *thất thủ*. Hưng Đạo Vương phải rước vua Trần Nhân Tông (1279-1293) về Hải Dương lánh giặc. Năm 1285, Thái Tử Thoát Hoan (con vua Tàu) đem quân đánh chiếm Hưng Yên. Ông Trần Bình Trọng đem quân ra chặn đánh, chẳng may bị giặc bắt. Thoát Hoan biết ông là một tướng tài muốn dụ về hàng nên đổi đai tử tế và dò hỏi việc nước thì ông không nói. Thoát Hoan mới hỏi: " Ông có muốn làm Vương đất Bắc không? ". Trần Bình Trọng quắc mắt trả lời: " **Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc. Nay ta đã bị bắt thì chỉ có chết thôi, chớ hỏi lời thôi nữa** ".

Thoát Hoan thấy không *thuyết phục* được ông bèn đem giết.

Trần Bình Trọng *quả là* một vị anh hùng của nước ta.

#### Giải nghĩa:

- *Xâm lăng* : Mang quân đánh để chiếm lấy. - *Thất thủ* : Bị quân địch chiếm, bị thua.
- *Thuyết phục* : Dùng lời nói để làm cho người ta theo mình. - *Quả là* : Thật là, hẳn là.

#### Câu hỏi:

- 1- Ông Trần Bình Trọng thuộc dòng dõi đời vua nào ?
- 2- Ông Trần Bình Trọng được phong tước gì ?
- 3- Quân Tàu dụ hàng ông bằng cách nào ?
- 4- Ông đã trả lời quân Tàu như thế nào ?

- **Câu đố vui sử kí.**

*Đầu voi, ai phát cờ vàng,  
Làm cho nữ giới vẻ vang oai hùng.  
Quần thoa mà giỏi kiếm cung,  
Đạp luồng sóng dữ, theo cùng bào huynh ?*



## Bài làm ở nhà 8

- **Danh nhân Việt Nam.**

### Nhà Bác Học Trương Vĩnh Ký

Ông Trương Vĩnh Ký là người học rộng, biết nhiều thứ tiếng nước ngoài. Ở trong nước, ông là nhà văn Việt Nam đầu tiên của thời kì chữ quốc ngữ mới hình thành và còn bị rẻ rúng.

Ông soạn từ điển, dịch văn thơ Việt ra tiếng Pháp, phiên dịch sách Tàu ..., viết những truyện đời xưa, truyện khôi hài. Ông nghiên cứu tìm hiểu về ngôn ngữ, lịch sử, địa lí Việt Nam.

Ông là tác giả trên một trăm cuốn sách vào khoảng năm 1863 đến năm 1898 là năm ông từ già cõi đời. Đó là chưa kể các sách viết bằng tiếng La Tinh, Y pha nho. Những sách ông viết rất có giá trị đã giúp cho chúng ta và người ngoại quốc hiểu biết về đất nước, phong tục, lịch sử, văn chương Việt Nam.

Người Việt Nam chúng ta tự hào với thế giới đã có một nhà bác học uyên thâm như Trương Vĩnh Ký.

Phỏng theo Nguyễn Ngũ Í

#### Giải nghĩa:

- **Bác học** : Người học rộng, biết nhiều về một hoặc nhiều ngành chuyên khoa. - **Rẻ rúng** : Coi rẻ, không có giá trị. - **Phiên dịch** : Công việc dịch từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác. - **Uyên thâm** : Sự hiểu biết rất sâu về một lãnh vực chuyên môn.

#### 1- Câu hỏi:

- Ông Trương Vĩnh Ký thông thạo những tiếng nước nào ?
- Số sách ông viết lên đến bao nhiêu ?
- Phiên dịch và sáng tác khác nhau như thế nào ?
- Văn nghiệp của ông đã giúp ích gì cho đồng bào ta và thế giới ?
- Tìm đại ý bài trên.

2- Tìm tiếng phản nghĩa, đặt câu:

**tiết kiệm - rẻ rúng - khiêm tốn**

3- Viết hai câu với tiếng có chữ "ch" hay "tr" trong mỗi câu.

4- Chép lại và thêm dấu:

### **Tình Cha Con**

Đa gan bay gio toi. Ngoai troi đang mua to va gio lanh.

Chua thay cha ve, Tâm lo lang khe noi:

- Sao chieu nay cha minh đi lam ve tre vay ?

Tâm vua noi xong thi cha đay cua buoc vao nha, nhưng hat mua con đong tren mai toc. Ong Hiền đua cho con mot hop giay xinh xan roi noi:

- Cha mua cho con chiec ao len nay đay. Hay mac thu xem co vua khong ?

Thi ra cha Tâm đã chiu ret muot để lo cho con đuoac am ap.

Tâm le phép cam on cha va tu nhu phai cham hoc hon nua để cha me đuoac vui long.

*Chúng Em Cùng Học - Cấp 8,  
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang*

5- Tục ngữ:

Em viết hai câu tục ngữ về sự liên hệ gia đình.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“**Làm Việc Thiện Nguyện**” và “**Nhà Bác Học Trương Vĩnh Ký**”



## BÀI CHÍN



- Chính tả

### Lương Thế Vinh

Ông Lương Thế Vinh người tỉnh Nam Định. Thuở nhỏ, ông nổi tiếng là người thông minh và lanh trí.

Năm 23 tuổi ông thi đậu Trạng Nguyên (1463). Vua Lê Thánh Tôn cho ông làm quan lớn trong triều và lo việc **giao thiệp** với nước Tàu. Nhờ có tài **ngoại giao, ứng đối**, ông đã làm cho vua, quan nước Tàu kính nể nước ta.

Lương Thế Vinh là một ông quan **thanh liêm**. Khi về hưu, ông thường đi chơi dây đó, lúc nào cũng ăn mặc **giản dị**. Đến đâu ông cũng trò chuyện thân mật với dân chúng. Mọi người đều quý mến ông. Một hôm, ông Lương Thế Vinh đang đi trên đường thì gặp một quan huyện rất **hách dịch**, bắt ông phải khiêng cáng. Sau khi ông khiêng cáng cho quan huyện rồi, ông nhờ lính về mời gọi vị Thám Hoa ở làng Vân Cát lên khiêng giúp. Do đó, quan huyện nhận ra ông là Trạng Nguyên Lương Thế Vinh, sợ quá quan huyện bèn quỳ xuống tạ lỗi và xin hứa từ nay về sau không dám **hống hách** nữa.

Theo Bảo Vân

(Tập Đọc II)

**Giải nghĩa:**

- **Giao thiệp:** Việc quan hệ xã hội. - **Ngoại giao:** Việc giao thiệp với người ngoài. - **Ứng đối:** Tài nói chuyện và trả lời trôi chảy, lanh lẹ. - **Thanh liêm:** Người không tham lam. - **Giản dị:** Thường, không xa hoa diêm dúa. - **Hách dịch:** Dùng quyền thế để ra oai. - **Hống hách:** Ra oai, lên mặt nạt nộ người khác.

**Đại ý:**

Tìm đại ý bài trên.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Ông Lương Thế Vinh người tỉnh nào ? Thuộc miền nào của nước Việt Nam ?
- b- Ông giúp vua Lê Thánh Tông làm gì ? Kết quả ra sao ?
- c- Ông chịu khiêng cáng cho quan huyện để làm gì ?
- d- Hãy kể các tính tốt của ông Lương Thế Vinh ?

**II - Điền vào chỗ trống: THAN, THÂN hay THANH**

- a- Đốt \_\_\_\_\_ cho đỏ để nướng thịt.
- b- Anh Khoát là một \_\_\_\_\_ niên khỏe mạnh.
- c- \_\_\_\_\_ thể người ta chia ra làm ba phần: đầu, mình và tay chân.
- d- Mai và Liên là hai người bạn \_\_\_\_\_.
- đ- Thạch làm việc cực nhọc nhưng không bao giờ \_\_\_\_\_ van
- e- Đêm khuya \_\_\_\_\_ vắng là lúc mọi người nghỉ ngơi.

- Đặt câu:

**than đá - thân cây - âm thanh**

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Thiếp than phận *thiếp* còn thơ,  
Lấy chồng xa xứ, bơ vơ *mot* mình.
- b- Đã mang *lay* cái thân tằm,  
Không vương tơ nữa *cung* nằm trong tơ.
- c- *Nuoc* có khi trong khi đục,  
Người có kẻ *tuc*, kẻ thanh.
- d- Đốt than nướng cá cho *thom*,  
Nấu canh rau cải, hầu cơm mẹ *gia* .

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng **THAN, THÂN và THANH**

**Giải nghĩa:**

- **Thanh niên** : Người còn trẻ tuổi. - **Thanh vắng** : Yên lặng, vắng vẻ. - **Vương tơ**: Nhả tơ. - **Kẻ tục**: Người có lòng dạ xấu. - **Kẻ thanh**: Người có lòng tốt.

- Bài đọc để đối thoại.

## Sự Lanh Trí

Một hôm Lương Thế Vinh đang chơi với các bạn trẻ. Một người khách đi ngang qua đường ném trái bưởi xuống hố sâu rồi bảo ai lấy lên được sẽ thưởng tiền. Hố thì sâu mà không có gậy hay dây gì cả. Suy nghĩ một lúc, Lương Thế Vinh bảo các bạn xúm lại xách nước đổ đầy hố. Trái bưởi nổi lên thế là Lương Thế Vinh và các bạn được thưởng.

Khoảng năm 1470 - 1479 ông được cử đi sứ Tàu. Ông đã làm cho người Tàu nể phục vì tài *ứng đối* của mình. Trong lần đi này, ông *chuyên tâm* học môn toán học và các *phép đo lường*. Về nước, ông dịch sách "Khải Môn Toán Học" từ tiếng Tàu sang chữ Nôm. Dem cái bàn tính và môn toán học của người Tàu dạy lại cho người nước ta. Ông là *tiên sư* của nghề tính toán có phương pháp.

Sau khi ông mất, làng Cao Hương thờ ông làm *Phúc Thần*.

Theo Bảo Vân

(Tập Đọc II)

**Giải nghĩa:**

- *Ứng đối*: Tài nói chuyện và trả lời lanh lẹ. - *Chuyên tâm*: Để hết tâm chí làm việc.
- *Phép đo lường*: Việc tính toán kích thước, độ, số lượng. - *Tiên sư*: Vị thầy đầu tiên.
- *Phúc thần*: Ông thần ban những điều lành.

- Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:

- 1- Người khách qua đường đổ bọn trẻ điều gì ?
- 2- Ai đã nghĩ ra cách lấy được trái bưởi lên ? Bằng cách nào ?
- 3- Lương Thế Vinh đã học hỏi được môn gì khi đi sang Tàu ?
- 4- Ông đã được dân chúng làng Cao Hương thờ làm gì ?



- **Địa lí.**

### Quặng Mỏ

(tiếp theo trang 22)

Đá vôi ở Hải Phòng, Quảng Trị, Thừa Thiên, Hà Tiên. Đá vôi san hô ở dọc **duyên hải** Quảng Tín, Khánh Hòa, Ninh Thuận.

Tràng thạch (feldspar) ở Quảng Nam, Long Xuyên, Phú Yên, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết, Tuyên Đức.

Cát trắng để nấu thủy tinh ở vùng Cam Ranh, Nha Trang và được coi là có phẩm chất tốt nhất thế giới.

Đất sét ở Bình Dương, Biên Hòa, Tuyên Đức.

Muối, được **khai thác** nhiều nhất ở Ninh Thuận và Khánh Hòa.

Dầu hỏa có nhiều ở **thềm lục địa** và đang được nhiều quốc gia trên thế giới tới khai thác.

#### Giải nghĩa:

- **Duyên hải:** Vùng ven biển. - **Khai thác:** Lấy về để dùng.

- **Thềm lục địa:** Vùng đất chìm dưới biển dọc theo bờ.

#### - Câu hỏi:

- 1- Vùng nào có đá vôi ở Việt Nam ?
- 2- Ở vùng Nha Trang, Cam Ranh có gì tốt nhất thế giới ?
- 3- Ở Việt Nam vùng nào sản xuất nhiều muối ?
- 4- Vùng nào có mỏ dầu hỏa ở Việt Nam ?

- **Câu đố vui sử kí.**

*Tước Vương đất Bắc nào thềm,  
Mà quân xâm lược hòng đem dụ người.  
Dù Nam quý, vẫn vui tươi,  
Đền ơn tổ quốc, thỏa đời làm trai.*

## Bài làm ở nhà 9

- Tập đọc.

### Anh Em Phải Hòa Thuận

Một ông nọ có hai người con hay ganh tị và cãi vã nhau. Một ngày kia, ông gọi hai con đến, kể cho câu chuyện này:

"Một hôm tay trái thấy tay phải làm việc nên ganh tị và tức tối. Mỗi khi tay phải cầm cái gì, tay trái liền giựt lại. Rồi hai tay lại đánh nhau cho đến khi cả hai cùng đau. Lúc bấy giờ, cái đầu mới lên tiếng. Tại sao chúng ta đều là anh em chung một nhà mà lại đánh nhau để tất cả thân thể cùng đau? Anh em đánh nhau như thế thì mất cả công việc, còn làm ăn gì được."

Các con ơi! Các con là hai tay trong câu chuyện vừa kể. Các con phải biết nhường nhịn và thương yêu lẫn nhau.

Quốc Văn Giáo Khoa Thư

#### Giải nghĩa:

- **Hòa thuận** : Sống chung yên vui không cãi cọ hơn thua. - **Ganh tị (ghen tị)** : Ghét người vì sợ thua kém. - **Nhường nhịn** : Tự ý chịu phần kém hay thiệt thòi.

#### 1- Câu hỏi:

- Tại sao hai anh em cãi nhau ?
- Tay phải, tay trái trong bài này ý nói gì ?
- Tìm ba từ được ví như anh em một nhà ?
- Người cha kể chuyện hai tay để khuyên nhủ các con điều gì ?



2- Giải nghĩa, đặt câu:

**giản dị - thanh liêm - duyên hải**

3- Viết hai câu với tiếng có chữ "s" và hai câu với tiếng có chữ "x" .

4- Chép lại và thêm dấu:

### **Nhường Cơm Sẻ Áo**

Em nhỏ con me on cha,  
Com no ao am, cua nha yen vui.  
Em thương chàng trẻ mồi coi,  
Không cha, không mẹ, không người thân yêu.  
Tam thân cực khổ đau đui,  
Rét không áo mặc, sớm chiều thiếu an.  
Thương người như thể thương thân,  
Nhường cơm sẻ áo, lòng nhân mồi la.

**Chiêu Đăng**

5- Tập làm văn:

Dựa theo bài "**Anh Em Phải Hòa Thuận**", hãy viết một đoạn văn về việc anh chị em nhường nhịn và thương yêu lẫn nhau trong gia đình.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

**“ Lương Thế Vinh ” và “ Anh Em Phải Hòa Thuận ”**



## BÀI MƯỜI



### • Chính tả

### Tết Trung Thu

Hôm nay là ngày rằm tháng Tám. Bé Oanh **nô nức** mặc quần áo đẹp để đi dự Tết Trung Thu, em và Tâm cũng cùng đi theo.

Khi bố đưa chúng em đến nơi thì trăng cũng vừa lên. Mặt trăng tròn, to, màu vàng cam lơ lửng trên đỉnh núi xa. Các em thiếu nhi sắp hàng ngay ngắn và đang tập hát bài “Rước Đèn Tháng Tám”.

Trăng lên cao dần, tỏa ánh sáng mát dịu, trong vắt. Tiếng trống và **phèng la** vang lên từng hồi. Hai con lân nhảy múa theo nhịp trống. Ông Địa cầm cái quạt to **chờn vờn** trước đầu lân trông rất ngộ nghĩnh. Các em vừa đi hàng một vừa hát. Em nào cũng giơ đèn của mình lên cao một cách trang trọng. Những ngọn nến cháy sáng **lung linh** làm nổi bật các hình ngôi sao, hình cá chép, hình con bướm ... đang di chuyển dưới ánh trăng.

Nhìn các con **nhộn nhịp** rước đèn, cha mẹ tỏ vẻ bằng lòng và cùng vui cười với con mình. Sau đó các em ăn bánh Trung Thu, và nghe kể chuyện “Thằng Cuội với Chị Hằng”.

Khi chúng em về đến nhà, cả gia đình cùng ngồi ăn bánh Trung Thu, ngắm trăng, uống trà và nói chuyện cho đến khuya.

#### Giải nghĩa:

- **Nô nức:** Rộn ràng hồi hộp. - **Phèng la:** Nhạc khí có dạng hình đĩa tròn, làm bằng đồng và có tiếng vang chói. - **Chờn vờn:** Sàng qua sàng lại, tới lui trước mặt.
- **Lung Linh:** Ánh sáng chập chờn, khi sáng khi tối. - **Nhộn nhịp:**Ồn ào vui vẻ.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• Phân biệt tiếng.

lúu

núu

túu







Lúu lo - Lúu lười  
Lúu rúu - Dính lúu

Núu áo - Núu cãnh  
Núu vai - Núu kéo

Túu tít - Lúu túu  
Bậu túu tít

• Ứng dụng:

Hãy điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

<p>1</p>  <p>Bé Oanh nói chuyện _____.</p>	<p>2</p>  <p>Chim hót _____.</p>	<p>3</p>  <p>Bé Oanh _____ mẹ.</p>
<p>4</p>  <p>Mai sợ rấn nói _____.</p>	<p>5</p>  <p>Cả nhà bậu bậu _____.</p>	<p>6</p>  <p>Áo Sơn rách vì chơi trò _____.</p>

Giải nghĩa:

- **Lúu rúu:** (Âm thanh) vừa nhỏ vừa như dính quện vào nhau thành một chuỗi. - **Núu kéo:** Nắm lấy và kéo xuống. - **Túu tít:** Tiếng cười nói, hỏi han ồn ào, không ngắt.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Tại sao bé Oanh lại nô nức mặc quần áo đẹp ?
- b- Trăng Trung Thu như thế nào ?
- c- Các em rước đèn ra sao ?
- d- Em thường nghe bài hát gì trong Tết Trung Thu ?
- e- Em có thích Tết Trung Thu không ? Tại sao ?

**II - Điền vào chỗ trống: LÍU, NÍU hay TÍU**

- a- Chim hót \_\_\_\_\_ lo trên cành.
- b- Bé Oanh nói \_\_\_\_\_ tíu mừng mẹ đi chợ về.
- c- Hai người đang \_\_\_\_\_ kéo nhau ngoài đường.
- d- Bé sợ quá \_\_\_\_\_ lưỡi nói không được.
- đ- Hôm nay Mai đi thi lái xe về, cả nhà \_\_\_\_\_ tíu hỏi thăm.
- e- Bé Oanh \_\_\_\_\_ áo Mai đòi đi mua cà rem.

- Đặt câu:

**líu lo - tíu tíu - núu kéo**

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Chim chuyền cành hót *liu* lo,  
Lòng *thuong* chú lính ốm o *gay* mòn.
- b- Tai nghe *tiu tíu* còi tàu,  
Nhớ *nguoí* bạn cũ nửa sầu *nua* lo.
- c- Đùng khinh *kho*, chớ cậy *giau*,  
Đùng *an* cây táo mà rào *cay* sung.
- d- *Đương* mòn, nhân nghĩa *chăng* mòn

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng **LÍU, NÍU** và **TÍU**

**Giải nghĩa:**

- **Líu lo** : Tiếng nói như chim hót. - **Tíu tíu** : Tiếng động (âm thanh) nhỏ, liên tiếp, và không ngắt.

- **Luận văn.**

## Tả Động Vật

### A- Dàn bài mẫu

1- **Mở bài.** Giới thiệu con vật mình sẽ tả bằng cách:

- Cho biết đã gặp con vật đó ở đâu ? trong hoàn cảnh nào ? vào cơ hội hoặc vào dịp nào hoặc lý do nào khiến mình được biết về con vật ấy.

2- **Thân bài.** Viết tổng quát về:

- Hình dáng toàn thể, màu sắc, kích thước ...
- Các bộ phận : đầu, mình, chân, đuôi ...
- Cách sinh hoạt mỗi loại khác nhau
- Lợi ích của vật này chung cho mọi người. Làm hại gì cho ta ?

3- **Kết luận.** Ý nghĩ hoặc tình cảm của mình đối với con vật này. Con vật có đáng quý hay không ? Ta có nuôi nấng tử tế hay không ?

### B- Dàn bài thực hành.

Đề bài: Trong phòng khách nhà em có một hồ cá vàng. Em hãy tả đàn cá vàng đang nhớn nhơ bơi lội trong nước.

1- **Mở bài.** Hồ cá vàng đặt trong phòng khách vào dịp nào ? Hồ cá vàng này đã có bao lâu rồi ?

2- **Thân bài.** Tả tổng quát về đàn cá:

- con to, con nhỏ. Màu sắc khác nhau ? Đua nhau bơi lội ....
- các bộ phận và cử động: mình như thế nào ? vẩy ra sao ? bơi lội trông như cái gì ? đuôi mỗi loại xòe khác nhau ra sao ? miệng cử động thế nào ? các cách bơi khác biệt như khi nhanh, khi chậm, lúc ngoi lên mặt nước, lúc lặn sâu xuống đáy hồ ...

Sự thích thú và cảm giác khi ngắm nhìn đàn cá tung tăng bơi lội.

3- **Kết luận.**

Cảm tưởng của ta khi ngắm nhìn đàn cá: cảnh cá chụm chim lồng, sự chăm nom đàn cá ...

- Tập làm văn:

**Đề bài:** Tả đàn cá vàng.

## Bài làm ở nhà 10

- Học thuộc lòng.

### Ông Ngoại Tôi

Ông tôi người *quắc thước*,  
*Da mồi*, tóc *điểm sương*.  
Bước đi còn nhanh nhẹn,  
Lời nói *thấm* tình thương.  
Ngoại tôi tuy *già cả*,  
Yêu nước vẫn *thiết tha*.  
Đêm đêm thường đọc sử,  
Đôi khi mắt lệ nhòa.

Phỏng theo Tài liệu Bộ Q.G.G.D., V.N.C.H

#### Giải nghĩa:

- *Quắc thước*: Rắn chắc, mạnh khỏe. - *Da mồi*: Da người già lốm đốm và chám màu nâu nhạt như mai con đồi mồi. - *Điểm sương*: Tóc có lẫn nhiều tóc bạc. - *Thấm*: Thân mật đậm đà. - *Già cả*: Già, cao tuổi. - *Thiết tha*: Lòng luôn luôn nhớ đến.

#### 1- Câu hỏi:

- a- Tìm từ thích hợp nói về người già còn mạnh khỏe ?
- b- Dáng đi của ông ngoại như thế nào ?
- c- Lời nói của ông ngoại ra sao ?
- d- Vì đâu ông ngoại phải rơi lệ (khóc) ?
- đ- Tìm đại ý bài trên.

#### 2- Giải nghĩa, đặt câu:

nô nức - lú lo - nú kéo

- 3- Viết hai câu với tiếng có dấu hỏi ( ? ) và hai câu với tiếng có dấu ngã ( ~ ).

4- Chép lại và thêm dấu:

### Đi Câu

Cha em thương đưa em đi câu ca vào buổi sáng thu bay.  
Vua đen ho, em đã thay anh mắt trời nhuộm hồng nhưng vàng may bạc đang lo  
lưng xuôi về phương nam. Xa xa, vai canh buồm trắng nổi bật trên mặt hồ xanh  
lâm. Hai cha con yên lặng thả câu. Đâu đây có tiếng xuôi chảy róc rách.  
Canh vạt that em đem. Không khí trong lành. Cha em thương chọn nơi này để  
câu ca.

Chúng Em Cùng Học - Cấp 6  
TTVNVL

5- Bài luận văn mẫu:

**Đề bài:**

### Tả con chó.

Ba em nuôi con chó Cody từ lúc bé Oanh mới lên ba tuổi. Đến nay Oanh đã đi học mẫu giáo.

Mỗi lần chúng em đi học về, Cody mừng rỡ rít, ngoe nguẩy cái đuôi và chạy lăng quăng trông rất dễ thương. Cody thuộc loại chó nhỏ, nặng khoảng 5 kí lô. Lông nó màu vàng nhạt và rất dày. Hai tai cụp xuống, đôi mắt đen láy trông rất đẹp và hiền. Mỗi khi có người lạ đến nhà, Cody sủa vang cả lên nhưng không cắn cào vào khách. Đây là đặc tính làm cho ba em rất thích nó. Bốn chân Cody không cao lắm nhưng rắn chắc. Lông chó dài ra rất nhanh, ba em phải xén lông cho Cody hai tháng một lần và tắm chó hàng tuần.

Mỗi chiều, chúng em thường dắt Cody đến sân trường gần nhà. Nơi đây con chó tha hồ được chạy đùa trên sân cỏ, chụp bắt quả banh được chúng em ném đi thật xa ....Cody ăn rất khỏe. Mỗi khi ăn cơm, má em đều nhớ đến con chó.

Săn sóc con chó đôi khi cũng vất vả nhưng nó là con vật thân thiết với mọi người trong gia đình. Sau những giờ học tập căng thẳng, được chơi với Cody một lát là điều rất vui cho chúng em. Đầu óc chúng em được thoải mái.

- Tập làm văn:

**Đề bài:** Tả con ngựa.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Tết Trung Thu ” và “ Ông Ngoại Tôi ”

## BÀI MƯỜI MỘT



- Chính tả - Học thuộc lòng.

### Ngày Văn Lang

Đây Văn Lang với *ngày truyền thống*,  
 Nhiều cuộc thi *hào hứng* diễn ra.  
 Chúng em thi múa, thi ca,  
 Lời thơ tiếng nhạc, đậm đà tình quê !

Thi đố vui, mau về để học,  
 Những *trinh hoa* dân tộc ngàn xưa.  
 Rồi ra thi vẽ say sưa,  
 Trò chơi điện tử, từ trưa đến chiều . . .

Ngoài sân còn bao nhiêu tiết mục  
 Nào chạy đua, quần vợt, vũ cầu,  
 Ném vòng, bắn súng, thả câu . . .  
 Vừa chơi vừa học, biết bao *vui vầy*!

#### Giải nghĩa:

- *Ngày truyền thống*: Ngày đặc biệt của trường được tổ chức mỗi năm một lần.
- *Hào hứng*: Cảm hứng, hăng hái. - *Trinh hoa*: Cái tinh túy, tốt đẹp nhất.
- *Vui vầy*: Vui vẻ trong sự sum vầy.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Mỗi năm nhà trường tổ chức ngày Văn Lang mấy lần ? Để làm gì ?
- b- Những cuộc thi bên trong trường gồm có những gì ?
- c- Ngoài sân trường còn có những trò chơi, cuộc thi gì ?
- d- Hãy kể ra em đã tham gia vào cuộc thi nào hay trò chơi nào ?

**II - Điền vào chỗ trống: NHẠC, NHẠT hay NHẬT**

- a- Bác Ba là một \_\_\_\_\_ sĩ có tài.
- b- Hôm nay là ngày chủ \_\_\_\_\_, em đi học tiếng Việt.
- c- Áo anh đã \_\_\_\_\_ màu vì bao ngày dầm sương dãi nắng.
- d- Mẹ em thích nghe \_\_\_\_\_ êm dịu.
- đ- Bát canh này \_\_\_\_\_ như nước ốc.
- e- Xe Honda được chế tạo tại nước \_\_\_\_\_.

- Đặt câu:

**âm nhạc - rượu nhạt - nhật thực**

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Rượu nhạt *uong* lấm cũng say,  
Người *khon* nói lấm dẫu hay *cung* nhàm.
- b- Mời anh ăn *mieng* trầu này,  
Dù *man*, dù nhạt, dù cay, dù *nong*.
- c- Nhật *nguyet* như thoi đưa.
- d- Nhà *khong* có chủ như tủ không có khóa.
- đ- Nhất sự *thuan*, vạn sự lành.
- e- Ra ngoài *hoi* già, về nhà hỏi trẻ.

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng **NHẠC, NHẠT** và **NHẬT**

**Giải nghĩa:**

- **Nhạt:** *Lạt, phai.* - **Nhạt như nước ốc:** *Rất nhạt, không vừa miệng.*
- **Nhạc phụ, nhạc mẫu:** *Cha vợ, mẹ vợ.* - **Nhật nguyệt như thoi đưa:** *Ý nói thời gian đi quá nhanh.* - **Sự thuận:** *Sự hòa thuận, không cãi vã ghen ghét nhau.*



- Văn phạm.

## Danh Từ Chung - Danh Từ Riêng

1. Danh từ chung là những danh từ dùng để nói chung cho tất cả cùng một loại.

Thí dụ:

Học sinh là danh từ nói chung về người đi học.

Thầy cô giáo là danh từ nói chung về những người dạy học.

2. Danh từ riêng là những danh từ dùng để chỉ tên riêng của một người, một con đường, một con sông, một nước (quốc gia) . . .

Những danh từ riêng bắt buộc phải được viết hoa.

Thí dụ:

Mai, Tâm, Oanh là tên riêng của ba chị em.

Hồng Hà, Cửu Long là tên một con sông ở miền Bắc và một con sông ở miền Nam nước Việt.

**Bài tập:**

Không chép lại theo bài trên, hãy viết:

- Hai câu có danh từ chung.
- Hai câu có danh từ riêng.



- **Bài đọc để đối thoại.**

## Lịch Sử Oai Hùng Của Dân Tộc Việt Nam

Hướng cái nhìn về Đông phương, thế giới phải **kinh ngạc** khi **ngiên cứu** về dân tộc Việt Nam.

Đó là một dân tộc tuy nhỏ bé nhưng có một lịch sử oai hùng vào bậc nhất. Nguyên giai đoạn dân tộc ta ba lần phá tan hùng binh Mông cổ đã đủ khiến thế giới kinh hồn. Chúng ta nghe nói quá nhiều về chiến công ấy, nhiều khi thấy **nhàm** tai, không lấy gì làm vẻ vang cả. Nhưng nếu lượng được sức mạnh vạn năng của đoàn quân Mông cổ bách chiến bách thắng. Chiến sĩ Mông cổ cưỡi ngựa không yên cương đang phóng như bay, dương cung bắn về phía sau **bách phát, bách trúng**. Đoàn quân dũng mãnh, **tàn bạo**, thế tiến đánh vũ bão như chẻ tre, được **điều động** bởi những tướng lĩnh có tên sấm sét như Thành Cát Tư hãn, Hốt Tất Liệt . . . chúng ta mới **hình dung** được những chiến thắng vẻ vang của tổ tiên ta.

*Em Học Việt Ngữ - Tập 6,  
Trung Tâm Việt Ngữ Hồng Bàng*

### Giải nghĩa:

- **Kinh ngạc:** Ngạc nhiên, giật mình không ngờ. - **Ngiên cứu:** Tham khảo, thăm dò kĩ lưỡng. - **Nhàm:** Chán nản, không hứng thú. - **Bách phát, bách trúng:** Bắn 100 mũi tên, trúng 100 lần. - **Tàn bạo:** Hung dữ, độc ác. - **Điều động:** Điều hòa và chủ động một việc gì. - **Hình dung:** Tưởng tượng nghĩ ra trong đầu.

- Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:

1. Vì sao thế giới phải kinh ngạc khi nghiên cứu về dân tộc Việt Nam ?
2. Quân dân Việt Nam đã thắng quân xâm lăng Mông Cổ mấy lần ? Kể tên vài vị anh hùng đã lập được chiến công ?
3. Quân xâm lăng Mông Cổ tàn bạo như thế nào ?
4. Yếu tố quan trọng nào giúp cho quân dân Việt Nam chiến thắng quân Mông Cổ ?

## Bài làm ở nhà 11

- Hình ảnh quê hương.

### Công Việc Của Người Làm Ruộng

Ở nhà quê, **quanh năm ngày tháng**, ai cũng chăm về việc cày cấy. Sớm tối lo làm ăn, hết công nợ đến việc kia, không mấy khi được **nhàn hạ**.

Khi **hạt giống** đã gieo xuống đất, người làm ruộng mong được nắng, được mưa cho cây mạ mọc lên, đem ra cấy vào ruộng. Cày cấy xong, nhưng công việc đã xong đâu. Còn phải bón phân, nhổ cỏ. Lỡ khi trời nắng ruộng khô, phải tát nước cho cây lúa được tươi tốt, mạnh mẽ. Bông lúa, hạt thóc mới được tốt đẹp. Đến khi lúa chín, gặt về, đập, phơi khô. Bấy giờ mới chắc có thóc gạo mà ăn.

Nghề làm ruộng khó nhọc như thế, cho nên người dân ở thôn quê phải làm việc **cần mẫn** quanh năm.

*Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư*

#### Giải nghĩa:

- **Quanh năm ngày tháng:** Nói cả năm lúc nào cũng như thế.
- **Nhàn hạ:** Rỗi rãi, không vất vả, mệt nhọc.
- **Hạt giống:** Ở đây là hạt thóc dùng để trồng lên cây lúa.
- **Cần mẫn:** Siêng năng và mau mắn.

#### 1- Câu hỏi:

- Ở nhà quê, mọi người rảnh rỗi hay bận rộn ? Tại sao ?
- Hạt thóc gieo xuống đất sẽ mọc lên cây gì ?
- Chép lại các câu văn tả việc làm khó nhọc của nông phu (người làm ruộng) ?
- Tìm đại ý bài trên.

2- Giải nghĩa, đặt câu:

**tin hoa - tàn bạo - nhàn hạ**

3- Viết hai câu với tiếng có chữ ghép "ng" và hai câu với tiếng có chữ ghép "ngh".

4- Chép lại và thêm dấu:

### **Sửa Soạn Đi Xa**

Thình thoang ba em đưa gia đình đi chơi xa. Ca nha ban ron lam theo ke hoach. Ong ba ngoai trong coi be Hoang đe be khong te nga xoanh xoach. Em giu con cho nho hay keu oang oang. Ma sap đo an va xep ao quan. Con ba khuan vac leu vai len xe.

Ai nay vui ve vao cho ngoi. Ba cho xe lan banh. Em ngoanh đầu nhìn lại, ngoi nha vua khuat sau hang cay.

**Chúng Em Cùng Học - Cấp 6  
TTVNVL**

5- Tập làm văn:

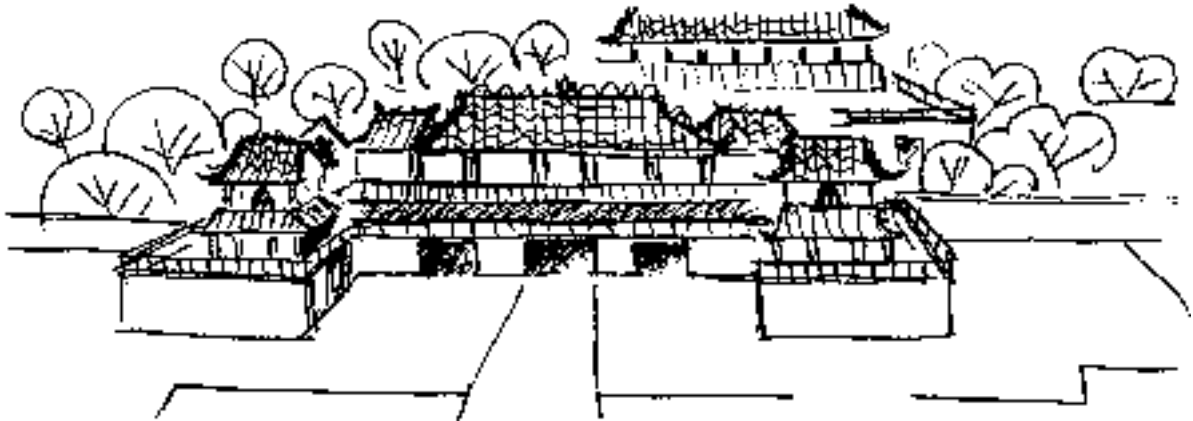
Tả con bò.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“ Ngày Văn Lang ” và “ Lịch Sử Oai Hùng Của Dân Tộc Việt Nam ”.

## BÀI MƯỜI HAI



- Chính tả.

### Cố Đô Huế

Nhân chuyến về thăm Việt Nam, chúng em được bố dẫn đi thăm **cố đô** Huế. Đây là kinh đô của nhà Nguyễn, triều đại quân chủ cuối cùng của nước ta (khởi đầu từ Nguyễn Phúc Ánh lấy niên hiệu là Gia Long, 1802-1945).

Hôm nay chúng em đi xem cung điện nhà vua. Xe chạy qua cầu Tràng Tiền rồi vào cửa Thượng Tứ. Nơi đây dấu vết của chiến tranh vẫn còn lưu lại ở các vết lõm trên tường thành. Trước cửa Ngọ Môn là cổng vào **hoàng thành**. Xung quanh hoàng thành là hào sâu có sen nở đầy mặt nước. Ngày xưa bá quan văn võ phải đợi ở cửa Ngọ Môn trước khi vào **triều kiến** nhà vua. Qua Ngọ Môn, mọi người đi bộ trên một sân gạch cao và rộng thênh thang có nhiều cấp dẫn đến điện Thái Hòa. Ngày trước vua **thiết triều** ở đây. Chính giữa điện là ngai vàng của vua **oai nghiêm** rực rỡ. Từ **điện Thái Hòa** chúng em được dẫn đi thăm **Thái Miếu** và **Thế Miếu**. Nơi đây ai cũng phải chú ý đến hàng "**Cửu đỉnh**" to lớn tượng trưng cho các đời vua triều Nguyễn.

#### Giải nghĩa:

- **Cố đô**: Kinh đô thời xưa. - **Hoàng thành**: Thành bao bọc cung điện nhà vua.
- **Triều kiến**: Vào cung ra mắt vua. - **Thiết triều = Lâm triều**: Vua cho các quan ra mắt.
- **Oai nghiêm**: Nghiêm trang, oai quyền. - **Thái Miếu**: Đền thờ tổ tiên các vua nhà Nguyễn. - **Thế Miếu**: Đền thờ các nhà vua và hoàng hậu triều Nguyễn. - **Cửu đỉnh**: Chín cái đỉnh to ở Thế Miếu tượng trưng sứ mạng trời.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Cửa Ngọ Môn ở đâu ?
- b- Điện Thái Hòa ở đâu ? Ngày xưa vua làm gì ở điện Thái Hòa ?
- c- Sau điện Thái Hòa là gì ?
- d- Dân chúng có được phép ở trong hoàng thành không ?

**II - Điền vào chỗ trống: THAM, THĂM hay THÂM**

- a- Hôm qua mẹ đưa chúng em đi \_\_\_\_\_ cậu mợ Hoàng.
- b- Mẹ em đáng người \_\_\_\_\_ thấp.
- c- Bố nói : \_\_\_\_\_ ăn là tính rất xấu.
- d- Người \_\_\_\_\_ hiểm ít ai ưa
- đ- Tâm dự bắt \_\_\_\_\_ xổ số.
- e- Văn thức khuya nhiều đêm nên mắt anh bị \_\_\_\_\_ quàng.

- Đặt câu:

**thăm hỏi - tham tiền - thâm đen**

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Bụt đã bảo **thâm** rằng **chơ** có tham.
- b- Tháng ba đi bán vải **tham**,  
Tháng tư đi gặt, **thang** năm trở về.
- c- Tham ăn có ngày **mac** bấy.
- d- Thâm nghiêm **kin** cổng cao tường.
- đ- Mẹ già ở **chôn** lều tranh  
Sớm thăm tối **vieng** mới đành lòng con.

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng **THAM, THĂM** và **THÂM**

**Giải nghĩa:**

- **Tham lam:** Ham muốn cho mình một cách không ngay thẳng.
- **Thâm hiểm:** Sâu sắc, hiểm độc.
- **Lá thăm:** Lá phiếu.
- **Thâm đen:** Sạm đen.
- **Dầm:** Ngâm nước.
- **Thâm nghiêm:** Kín đáo, nghiêm trang.

- Bài đọc để đối thoại.

## Thành Phố Huế

Thành phố Huế ở xã Phú Ân, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên cạnh sông Hương là **kinh đô** của nhà Nguyễn kể từ khi vua Gia Long **thống nhất sơn hà**. Huế gồm có hai phần là thành Nội và các phường buôn bán cũ ở bờ bắc sông Hương, cùng các phố xá kiểu mới ở bờ nam sông Hương. Nối hai bên là cầu Trường Tiền, dài 401 mét, cầu Bạch Hổ cho xe lửa chạy qua và cầu Mới. Trong thành Nội có lâu đài, cung điện của các vị vua triều Nguyễn. Phía dân chúng ở ngoài thành Nội, có chợ Đông Ba, chợ Kim Long, phường Gia Hội, chùa Diệu Đế, chùa Thiên Mụ . . . Phía nam, gần đường sắt là phường Phú Cam rất đông dân cư; rồi tới bến Ngự. Kế đó là đàn Nam Giao, một khu đất rộng, lộ thiên là nơi trước đây, ba năm một lần, các vị vua nhà Nguyễn ra làm lễ tế trời đất. Bên phải Nam Giao là núi Ngự Bình, mặc dù độ cao không mấy đáng kể, nhưng được triều Nguyễn rất quý, coi như tấm **bình phong** che chở kinh thành Huế.

### Giải nghĩa:

- **Kinh đô**: Kinh thành nơi vua và triều đình ở. - **Thống nhất**: Gom lại về một mối.
- **Sơn hà**: Đất nước, giang sơn. - **Bình phong**: Tấm ván để che gió.

- Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:

1. Cố đô Huế gồm mấy phần chính? Hãy kể ra?
2. Có mấy cây cầu qua sông Hương? Xe lửa chạy qua cầu nào?
3. Bờ phía Nam sông Hương có những gì?
4. Nơi nào các vua nhà Nguyễn thường hay đến tế lễ trời đất?
5. Tên ngọn núi được coi như che chở kinh thành Huế?

- **Việt sử:**

## Trần Quốc Tuấn và Trận Bạch Đằng

Trần Quốc Tuấn là một đại danh tướng của nhà Trần. Ông được *phong tước* Vương nên thường được gọi là Hưng Đạo Vương.

Năm 1283, quân Mông Cổ bên Tàu tràn qua đánh nước ta lần thứ hai. Vua Trần Nhân Tông thấy *khí thế* giặc quá mạnh có ý muốn *đầu hàng* để dân đỡ khổ. Hưng Đạo Vương tâu: "Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu tôi trước". Chính nhờ tinh thần quyết chí này mà quân ta đánh đuổi được quân Mông Cổ ra khỏi nước. Đến năm 1287, quân Mông Cổ lại đem quân sang đánh nước ta lần thứ ba. Tại sông Bạch Đằng, Hưng Đạo Vương cho đóng cọc sắt nhọn xuống lòng sông. Đợi nước lên quân ta mang thuyền nhỏ ra *khieu chiến*, dụ giặc qua chỗ đóng cọc. Đến lúc nước xuống, quân ta quyết đánh khiến giặc rút lui và bị cọc sắt đâm lủng chiến thuyền chìm hết. Quân ta phục sẵn ở hai bên bờ sông tràn ra đánh khiến quân giặc chết rất nhiều, quân Mông Cổ *đại bại* phải rút chạy về nước.

Ngoài tài *dụng binh*, Hưng Đạo Vương còn là thông kinh sử và có nhiều mưu lược. Ông đã thảo ra bộ "Bình Thư Yếu Lược" và bộ "Vạn Kiếp Bí Truyền" để dạy các tướng sĩ cách tác chiến và dùng mưu.

### Giải nghĩa:

- *Phong tước*: Ban cho chức tước, quyền hành. - *Khí thế*: Sức mạnh tinh thần.
- *Đầu hàng*: Xin chịu thua, phục tùng. - *Khieu chiến*: Giả vờ đánh để khieu khích.
- *Đại bại*: Thua to, thua trận hoàn toàn. - *Dụng binh*: Tài điều khiển quân sĩ, tài bày mưu đánh trận.

### - Câu hỏi:

- 1- Trần Quốc Tuấn được phong tước vương và gọi là gì ?
- 2- Ông tâu gì khi vua Trần Nhân Tông muốn hàng ?
- 3- Muốn đánh bại quân Tàu trên sông Bạch Đằng, ông dùng mưu gì ?
- 4- Trần Quốc Tuấn soạn thảo những bộ sách gì để dạy tướng sĩ ?



## Bài làm ở nhà 12

- **Kể chuyện.**

### Con Chồn Và Con Gà Trống

Một hôm con chồn gặp con gà trống ở bụi tre. Gà sợ kêu lên **rối rít**. Chồn cũng sợ chủ nhà nghe được, họ đập chết. Chồn bèn lấy lời ngon ngọt dụ dỗ gà rằng:

- Sao bác lại **gắt gỏng** như vậy? Tôi với bác là họ hàng bà con với nhau cả đấy mà.

Gà thấy chồn ăn nói dễ nghe, bớt sợ, cất tiếng gáy vui vẻ lắm. Chồn khen nước nỏ:

- Ôi chào! Bác gáy sao mà hay như thế! Tôi nhớ ngày xưa ông cụ nhà ta gáy còn hay hơn nữa, vì lúc cụ gáy, cụ cứ nhắm mắt lại.

Gà lại gáy, nhưng vẫn còn **ngờ vực**, chỉ nhắm có một mắt mà thôi. Chồn làm như đang **gõ nhíp**, vừa cười vừa nói:

- Ôi chào! Hay hay quá! Nhưng nếu bác nhắm cả hai mắt lại mà gáy, thì tôi chắc bao nhiêu gà ở chung quanh đây nghe tiếng đều nổi cơn ghen lên mà chết!

Gà đắc ý, **nhắm tít** cả hai mắt lại, gân cổ định gáy cho thật hay. Nhưng vừa há mỏ, chồn đã nhảy đến cắn cổ tha về hang ăn thịt.

Ôi! **Mật ngọt chết ruồi!** Hay ư **nịnh hót** có khi hại đến thân.

*Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư*

#### Giải nghĩa:

- **Rối rít:** Kêu một cách cuống quýt.
- **Gắt gỏng:** Nói năng hằn học, giận dữ.
- **Ngờ vực:** Chưa tin tưởng hoàn toàn.
- **Gõ nhíp:** Gây tiếng động nhíp nhàng.
- **Nhắm tít:** Nhắm kín mắt lại.
- **Mật ngọt chết ruồi:** Con ruồi vì ham ăn dính vào mật mà chết, ý nói người ta vì ưa lời nịnh hót mà bị hại đến thân.
- **Nịnh hót:** Khen quá đáng để cầu lợi.

#### 1- Câu hỏi:

- Tại sao gà lại sợ chồn?
- Chồn nói gì cho gà bớt sợ?
- Chồn dụ dỗ gà bằng cách nào?
- Người ưa nịnh hót thường bị lợi dụng ra sao?
- Tìm đại ý bài trên.

2- Giải nghĩa, đặt câu:

**dụng binh - rối rít - ngờ vực**

3- Viết hai câu với tiếng có chữ ghép "ch" và hai câu với tiếng có chữ ghép "tr".

4- Chép lại và thêm dấu:

### Về Quê Nghi Hè

He đã toi ! Chung em vui qua !  
Nhưng bai thi cuoi khoa vua xong.  
Sang nay, nhe nhom trong long,  
Em thu don sach vao trong tu roi.  
Ngay thang he, rong choi thoa thich !  
Canh đong que tinh mich em troi.  
Thenh thang chay nhay ngoai troi,  
Treo cay hai trai, tam boi sông ho.

*Chúng Em Cùng Học - Cấp 7,  
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang*

5- Tập làm văn:

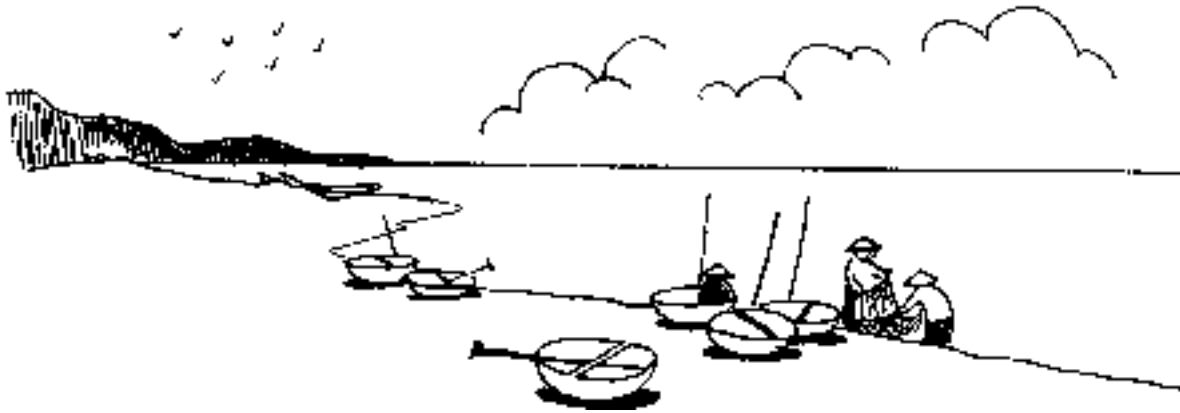
Tả con gà trống.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“ **Thành Phố Huế** ” và “ **Con Chồn Và Con Gà Trống** ”.

## BÀI MƯỜI BA



- Chính tả.

### Quê Hương Tôi

Nước tôi ở miền Đông Nam châu Á. Một dải *non sông gấm vóc* từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Trường Sơn là bức thành cao, nhìn về biển Đông dạt dào sóng vỗ. Gió mùa, mưa nắng thuận hòa. Cỏ cây, hoa trái bốn mùa xanh tươi. Ruộng đồng *bát ngát phì nhiêu*. *Tài nguyên* phong phú khắp trong ba miền . . .

Dân tộc tôi từ thừa Hùng Vương dựng nước, đã hơn bốn ngàn năm lịch sử oai hùng. Nào chống giặc xâm lăng từ phương Bắc, nào mở mang bờ cõi tiến về phương Nam. Tổ tiên tôi đã chịu bao gian lao nguy hiểm, đã đổ ra bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, xương trắng, máu đào trên mảnh đất thân yêu này !!!

Ngày nay, dù ở nơi đâu, người Việt Nam vẫn hướng lòng về quê hương yêu dấu. Niềm tin và *hi vọng* cho tự do, no ấm của đồng bào vẫn luôn luôn bùng cháy trong tâm tư mỗi người.

#### Giải nghĩa:

- *Non sông gấm vóc*: Ý nói đất nước đẹp và quý giá. - *Bát ngát*: Rộng lớn, bao la. - *Phì nhiêu*: Đất tốt, nhiều màu mỡ. - *Tài nguyên*: Nguồn lợi thiên nhiên như đất đai, hầm mỏ . . . - *Hi vọng*: Trông mong, mong chờ.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Nói vị trí của nước Việt Nam ?
- b- Những đặc điểm của địa lí Việt Nam ?
- c- Những đặc điểm của lịch sử Việt Nam ?
- d- Người Việt Nam ở xa quê hương nghĩ gì ? Hi vọng gì ?

**II - Điền vào chỗ trống: LĂNG, LĂN hay LÂN**

- a- Ở Huế có \_\_\_\_\_ tấm của các vua triều Nguyễn.
- b- Quân Pháp xâm \_\_\_\_\_ nước Việt Nam từ năm 1847.
- c- Nước láng giềng của nước ta, gọi là \_\_\_\_\_ bang.
- d- Trái banh da \_\_\_\_\_ tròn trên sân cỏ.
- đ- Bố em đưa em đi thăm \_\_\_\_\_ ông Bà Chiểu.
- e- Bác Ba đã \_\_\_\_\_ lóc trong nghề viết báo hơn 10 năm rồi.

- Đặt câu:

té lăn cù - lố lăng - múa lân

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Lăn hoài hòn đá *chang* rêu,  
*Cau* ca quan họ trong veo giếng làng.
- b- Được dăng chân, lân *đang* đầu.
- c- Trời làm một trận lăng *nhang*,  
Ông hóa ra thằng, *thang* hóa ra ông.
- d- Cục đá lăn nghiêng, *lan* ngửa  
Khen ai khéo *sưa* cục đá lăn tròn.
- đ- Uống nước *song*, nhớ ngọn nguồn.

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng LĂNG, LĂN và LÂN

**Giải nghĩa:**

- *Lăng tẩm*: Mồ mả của vua chúa. - *Xâm Lăng*: Xâm phạm, đánh chiếm.
- *Té lăn cù*: Té nhào và lăn đi. - *Lăng nhăng*: Không ra gì, quàng xiêng.
- *Lăn lóc*: Dấn thân vào ở lâu trong đó.

• Bài đọc để đối thoại.

## Đoàn Thể

Người ta ở trong xã hội cũng như thủy thủ ở trên chiếc tàu. Mỗi người có một việc, người coi máy, người cầm lái ... Nếu một người không làm tròn công việc của mình thì sẽ làm phiền cho người khác và có khi còn nguy hại cho cả chiếc tàu!

Ở trong xã hội cũng vậy, một người bỏ trễ công việc thì nhiều người khác bị thiệt thòi lây. Nhà nông bỏ ruộng không cày, người thợ không tới xưởng máy thì chúng ta sẽ thiếu gạo ăn và không có đồ dùng.

Ta làm tròn nghĩa vụ của ta đối với đoàn thể là ta đã trả nợ cho đời, vì ở đời, ta phải nhờ cậy mọi người. Vả lại có đoàn thể thì mọi người bớt cô đơn, biết thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau để sống một cách vui vẻ và đầy đủ ...

*Phan Chu Trinh*

### Giải nghĩa:

- **Đoàn thể:** Tổ chức nhiều người có cùng một mục đích chung. - **Thủy thủ:** Nhân viên làm việc trên tàu thủy. - **Thiệt thòi:** Chịu những mất mát lớn. - **Nghĩa vụ:** Bổn phận hay trách nhiệm làm theo luật pháp hay lẽ phải của đạo đức.

- Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:

- 1- Tại sao mỗi chúng ta được ví như một thủy thủ ?
- 2- Hậu quả gì xảy ra khi không làm tròn nghĩa vụ ? Cho một vài ví dụ ?
- 3- Khi tham gia đoàn thể chúng ta sẽ nhận được những gì ?
- 4- Kể một vài đoàn thể bạn sẽ tham gia trong tương lai ? Tại sao ?



- **Địa lí:**

### **Giao Thông Việt Nam**

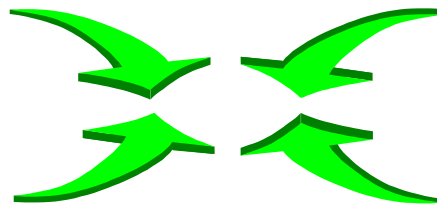
Nước Việt Nam có hình thể dài nên hệ thống **giao thông** rất là quan trọng. Hiện nay **trọng tâm** của nền kinh tế Việt Nam là việc cần phải tu bổ và mở mang các hệ thống giao thông. Tuy nhiên nhà nước Việt Nam ngày nay không thể thực hiện được những công trình to lớn mà phải trông cậy vào các nước thuộc thế giới tự do giúp đỡ hoàn toàn về tiền bạc và kĩ thuật. Các phi trường, hải cảng, đường xe lửa cùng các quốc lộ dần dần được **kiến thiết** lại. Hệ thống xe lửa xuyên Việt đã được **cải tiến** và chạy dọc theo suốt chiều dài của đất nước. Đặc biệt, một **công trình** lớn xây dựng cầu Mỹ Thuận (thuộc tỉnh Vĩnh Long) bắc qua sông Tiền đã được nước Úc Đại Lợi (Australia) hoàn thành, và trong tương lai một cây cầu lớn **tương tự** bắc qua sông Hậu (thuộc tỉnh Cần Thơ) cũng sẽ được thực hiện. Điều này khiến cho việc giao thông của các tỉnh miền Tây thuộc Nam Việt Nam trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở mang và phát triển miền đất trù phú nhất của nước Việt Nam.

**Giải nghĩa:**

- **Giao thông:** Sự chuyên chở, di chuyển từ nơi này đến nơi khác. - **Trọng tâm:** Việc quan trọng chính. - **Kiến thiết:** Xây dựng. - **Cải tiến:** Làm cho tốt hơn, đẹp hơn. - **Công trình:** Công việc khó khăn đòi hỏi nhiều công phu, kĩ thuật. - **Tương tự:** Gần giống nhau.

**- Câu hỏi:**

- 1- Hệ thống giao thông của Việt Nam có quan trọng không ? Tại sao ?
- 2- Hiện nay trọng tâm của nền kinh tế Việt Nam là gì ?
- 3- Ở miền Nam, một công trình lớn nào đã được hoàn thành ?
- 4- Nguyên nhân nào tạo cho các tỉnh miền Tây của Nam Việt Nam thành trù phú nhất Việt Nam ?



## Bài làm ở nhà 13

- Tập đọc - Học thuộc lòng.

### Ngoài Giờ Học

Ngoài giờ học giúp mẹ, giúp cha,  
**Nhặt rau**, rửa chén, lau nhà, quét sân ...  
Ta nên **cố gắng chuyên cần**,  
Việc gì trước khó, sau dần sẽ quen.  
**Thói thường** gần mực thì đen,  
Ham chơi, lười biếng, ai khen bao giờ.

Nguyễn Hữu Bào

#### Giải nghĩa:

- **Nhặt rau:** Tìm bỏ những lá rau già hay bị sâu ăn.
- **Cố gắng:** Ráng sức làm việc.
- **Chuyên cần:** Chăm chỉ làm việc đều đặn.
- **Thói thường:** Điều thường thấy ở mọi người.

#### 1- Câu hỏi:

- a- Tìm những từ kể công việc mà các em có thể giúp cha mẹ ?
- b- Tại sao việc làm bao giờ cũng khó khăn lúc bắt đầu ?
- c- "Gần mực thì đen" nghĩa là gì ?
- d- Bài trên khuyên nhủ các em điều gì ?
- đ- Hãy kể những việc làm trong nhà của em để phụ giúp cha mẹ ?



2- Giải nghĩa, đặt câu:

**hi vọng - xâm lăng - giao thông**

3- Viết hai câu với tiếng có chữ ghép "ph" và hai câu với tiếng có chữ ghép "qu".

4- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:

### **Tình Gia Tộc**

.....  
Moi lien he mat thiet giua nhung gia đình cung mot to tien la tinh gia toc. . Nhu co soi day vo hình rang buoc nhung người trong dong ho. Co, chu, bac va anh chi em ho luôn gan bó, thương yêu nhau. Các gia đình tìm đến o quay quan voi nhau. Vui cùng hưởng, buồn cùng chia sẻ. Câu tục ngữ sau đây nói lên tình thương yêu cao quý ấy:

“ Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ ”.

**Chúng Em Cùng Học - Cấp 8**  
**TTVNVL**

5- Tập làm văn:

Tả con mèo.

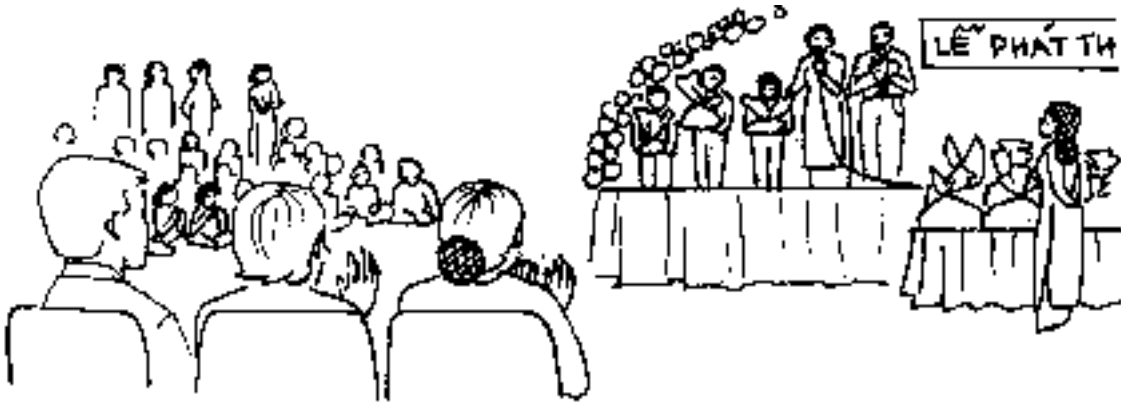
- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“ Quê Hương Tôi ” và “ Ngoài Giờ Học ”.



## BÀI MƯỜI BỐN



- Chính tả.

### Lễ Phát Thưởng

Hôm nay là ngày cuối cùng của khóa học. Nhà trường tổ chức lễ phát thưởng cho học sinh **xuất sắc**. Tâm và em đều may mắn được phần thưởng.

Đúng 10 giờ, chúng em sắp hàng ngay ngắn trước sân khấu theo sự hướng dẫn của thầy cô. Các **quan khách**, phụ huynh học sinh và một số thầy cô đã ngồi vào các hàng ghế dành riêng. Sân khấu được trang hoàng đẹp đẽ với hai lá quốc kì lớn, một bình hoa thật đẹp, và bong bóng đủ màu sắc sỡ.

Ngay giữa sân khấu là một hàng chữ lớn "Lễ Phát Thưởng". Buổi lễ bắt đầu bằng lễ chào cờ, mặc niệm. Sau đó là **phát biểu** của trung tâm trưởng Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang và của hội trưởng hội phụ huynh học sinh cùng lời cảm tạ thật cảm động của đại diện học sinh.

Sau phần phát thưởng cho mỗi cấp lớp đều có những màn văn nghệ giúp vui rất **hào hứng** do chính học sinh trình diễn.

Ôm gói phần thưởng trong tay, lòng em vô cùng sung sướng. Em cảm ơn bố mẹ, thầy cô giáo và hội phụ huynh học sinh đã hi sinh thời giờ, công sức và tiền bạc để lo cho chúng em có được niềm vui như ngày hôm nay.

#### Giải nghĩa:

- **Xuất sắc:** Đặc sắc, nổi bật. - **Quan khách:** Khách của một buổi lễ, một đám hội.
- **Phát biểu:** Nói lên ý kiến, tình cảm của mình. - **Hào hứng:** Cảm hứng, hăng hái.

#### Đại ý:

Tìm đại ý bài trên.

• **Bài tập.**

**I - Câu hỏi:**

- a- Những ai đến dự lễ phát thưởng, em hãy kể ra ?
- b- Em hãy kể những gì có trên sân khấu ?
- c- Các em học sinh làm gì ?
- d- Cảm tưởng của học sinh được phần thưởng ?

**II - Điền vào chỗ trống: TRONG, TRÔNG hay CHÔNG**

- a- Hôm nay bố về trễ, mẹ em \_\_\_\_\_ đợi mãi.
- b- Đường đi có nhiều chướng vật, khó khăn gọi là nhiều \_\_\_\_\_ gai.
- c- Về mùa thu, trời \_\_\_\_\_ xanh, không có tí mây.
- d- Li nước \_\_\_\_\_ vắt.
- đ- Cái bàn kê 4 chân cao thấp không đều gọi là bàn \_\_\_\_\_ chênh.
- e- Bà hàng xóm sắp đi xa, nhờ mẹ \_\_\_\_\_ chừng nhà cho bà.

- Đặt câu:

**trông đợi - trong xanh - chông gai**

**III - Thêm dấu trên các từ in nghiêng:**

- a- Trông *mạt* mà bắt *hinh* dong,  
Con lợn có béo thì *long* mới ngon.
- b- Thà chết trong, hơn *song* đục.
- c- Đánh giặc thì đánh *giua* sông,  
Đừng *đanh* trong cạm phải chông mà chìm.
- d- Có *mơi* thì nói *cu* ,  
Mới để trong nhà, cũ *đe* ngoài sân.
- đ- Nói có *sach*, mách có *chưng*.

- Đặt câu:

Viết mỗi câu có tiếng **TRONG, TRÔNG và CHÔNG**

**Giải nghĩa:**

- **Trông đợi:** Chờ đợi, mong đợi người đi xa về. - **Trong xanh:** Trong và xanh.
- **Chông chênh:** Không cân bằng, không vững. - **Trông chừng:** Coi chừng, để ý.
- **Chết trong:** Chết không có tội lỗi.

- **Văn phạm.**

## **Đại Danh Từ**

Đại danh từ thay thế cho danh từ mà ta không muốn lặp lại hay không muốn nêu ra.

Có năm loại đại danh từ: nhân vật đại danh từ, liên thuộc đại danh từ, nghi vấn đại danh từ, chỉ thị đại danh từ và phiếm chỉ đại danh từ

Nhân vật đại danh từ là những tiếng dùng để xưng hô, gọi tên các nhân vật trong khi nói. Do cách xưng hô, nhân vật đại danh từ được chia ra làm ba ngôi:

a) Ngôi thứ nhất chỉ về người tự nói.

Số ít: tôi, ta, mình, tớ ...

Số nhiều: chúng tôi, chúng ta, chúng mình, chúng tớ .....

b) Ngôi thứ hai chỉ người mà mình nói với.

Số ít: anh, người, mày, mi ...

Số nhiều: các anh, các người, chúng mày, chúng mi .....

c) Ngôi thứ ba chỉ người và vật mà mình nói đến.

Số ít: nó, hắn, y, thị, chàng, nàng, chị ấy, anh ấy, cô ấy ...

Số nhiều: chúng nó, bọn nó, bọn họ .....

Ngoài ra, còn có những đại danh từ dùng chung cho ba ngôi như: cụ, ông, bà, thầy, bác, chú, cô, dì, anh, em, con, cháu ....

### **Bài tập:**

Hãy viết:

- Một câu có nhân vật đại danh từ chỉ về người tự nói.
- Một câu có nhân vật đại danh từ chỉ về người mà mình nói với.
- Một câu có nhân vật đại danh từ chỉ về người mà mình nói đến.

- **Bài đọc để đối thoại.**

## Lời Phát Biểu của Trung Tâm Trưởng Trường Việt Ngữ Văn Lang

Toàn thể các em học sinh thân mến.

Thầy rất vui mừng thấy các em học hành chăm chỉ, ngoan ngoãn trong suốt khóa học vừa qua. Thầy ngợi khen các em được phần thưởng hôm nay. Mong rằng những món quà nhỏ này thể hiện tình yêu thương của phụ huynh và thầy cô đến tận tay từng em. Để đáp lại lòng *ưu ái* đó, các em hãy cố gắng là những học sinh tốt và *giỏi giang*.

Các em không được phần thưởng hôm nay đừng nản lòng, hãy nhìn những tấm gương tốt của bạn mình mà cố gắng mãi. Tục ngữ có câu:

"Có công mài sắt có ngày nên kim"

Đừng quên rằng tất cả các em đây là tương lai của *tổ quốc*, hi vọng của gia đình và xã hội. Các em hãy cố gắng để xứng đáng với niềm tin đó.

### Giải nghĩa:

- *Ưu ái*: Thương yêu và lo lắng cho - *Giỏi giang*: Có tài năng làm được nhiều việc.
- *Tổ quốc*: Đất nước của tổ tiên để lại.

- Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em tập đối thoại những câu sau đây:

1. Thầy Trung Tâm Trưởng Trường Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang khuyên các em những gì ?
2. Hãy cho biết ý nghĩa của buổi phát thưởng ?
3. Hãy viết một câu tục ngữ khuyên học sinh về sự cố gắng ?
4. Cha mẹ và thầy cô đặt niềm hi vọng vào ai ?

## Bài làm ở nhà 14

- Hình ảnh quê hương.

### Buổi Sáng Ở Thôn Quê

Ánh trắng xanh đã nhạt và ngoài sân lờ mờ sáng, thứ ánh sáng nhẹ, mong manh, mỗi giây phút như mỗi bừng thêm của lúc  **bình minh**.

Trong  **tịch mịch** của đêm thanh, tiếng gà gáy  **bỗng** nổi bật lên và  **vọng** ra xa. Một con gà khác họa theo, rồi lại thêm hai, ba con nữa cùng cất tiếng gáy. Và trong khoảnh khắc đó đây, khắp mọi nơi, gà trống thi nhau giục giã gáy sáng.

Có tiếng chân người đi làm sớm ngoài đường, nên con chó Mực chạy xô ra cửa và sủa lên mấy tiếng. Nhưng biết không ai vào nhà mình, con vật lại  **thủng thỉnh** trở về nằm gọn giữa sân và vãnh tai nghe ngóng.

Nguyễn Khắc Mẫn

#### Giải nghĩa:

-  **Bình minh**: Khoảng thời gian hừng sáng trước khi mặt trời mọc. -  **Tịch mịch**: Yên lặng. -  **Bỗng**: Đột ngột, thình lình. -  **Vọng**: Vang ra xa. -  **Thủng thỉnh**: Bước đi chậm rãi, từ từ như không có gì cần vội.

#### 1- Câu hỏi:

- Tìm những từ tả lúc bình minh ?
- Chép các câu văn tả cảnh gà xôn xao gáy sáng ?
- Chép lại những câu văn tả hoạt động của con chó Mực ?
- Theo bài trên chép lại các câu sau đây:
  - Một câu có danh từ riêng
  - Hai câu có danh từ chỉ hiện tượng
  - Hai câu có danh từ chung chỉ con vật
  - Hai câu có đại danh từ
- đ- Tìm đại ý bài trên.

2- Tìm tiếng đồng nghĩa với:

**nhật - bình minh - tịch mịch**

3- Viết:

- Một câu có danh từ riêng chỉ về người
- Một câu có danh từ riêng chỉ về thành phố
- Một câu có danh từ riêng chỉ về sông hay núi ở Việt Nam
- Một câu có đại danh từ chỉ về người tự nói

4- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:

### **Tính Kiên Nhẫn**

Hay nhìn gương kiên nhẫn của những bậc cha anh của các cháu trong công đồng người Việt ở đây. Khi mọi đình cư ở quốc gia này, mọi người đều bắt đầu bằng hai bàn tay trắng. Thế mà chỉ sau một thời gian học tập cần cù, làm việc nhàn nhai, nhiều người này đã đạt được nghề nghiệp vững vàng, thành công trong xã hội Hoa Kỳ. Một số gia đình trở nên giàu có, bắt đầu mở công ty với số vốn hàng triệu Mỹ kim ...

Tất cả những thành quả tốt đẹp trên, phần lớn cũng đều do tính kiên nhẫn mà ra đó cháu.

**Chúng Em Cùng Học - Cấp 8  
TTVNVL**

5- Tập làm văn:

Em đại diện cho các bạn trong trường, viết lời phát biểu nhân dịp lễ mãn khóa tiếng Việt.

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“ **Lễ Phát Thưởng** ” và “ **Buổi Sáng ở Thôn Quê** ”.

## BÀI MƯỜI LĂM

### Bài Thi Mẫu Cuối Khóa

Thầy cô dùng bài ôn thi mẫu này để soạn đề thi mà học sinh đã học trong những tuần lễ vừa qua.

#### 1. Chính tả.

- Viết một trong ba bài tập đọc hay chính tả do thầy cô chỉ định trước cho học sinh ôn thi.

- Tìm đại ý bài chính tả.

#### 2. Học thuộc lòng.

- Viết lại một trong hai bài học thuộc lòng:

a- Đầu bài: . . . .

b- Đầu bài: . . . .

- Tìm đại ý bài học thuộc lòng.

#### 3. Văn phạm.

Theo bài thí dụ dưới đây, em hãy tìm:

- Một danh từ chung chỉ về hiện tượng
- Một danh từ chung chỉ về con vật
- Một danh từ chung chỉ về con người
- Một danh từ riêng
- Một đại danh từ

### Buổi Sáng Ở Thôn Quê

Ánh trắng xanh đã nhạt và ngoài sân lờ mờ sáng, thứ ánh sáng nhẹ, mong manh, mỗi giây phút như mỗi bừng thêm của lúc *bình minh*.

Trong *tịch mịch* của đêm thanh, tiếng gà gáy *bống* nổi bật lên và *vọng* ra xa. Một con gà khác họa theo, rồi lại thêm hai, ba con nữa cùng cất tiếng gáy. Và trong khoảnh khắc đó đây, khắp mọi nơi, gà trống thi nhau giục giã gáy sáng.

Có tiếng chân người đi làm sớm ngoài đường, nên con chó Mực chạy xô ra cửa và sủa lên mấy tiếng. Nhưng biết không ai vào nhà mình, con vật lại *thũng thĩnh* trở về nằm gọn giữa sân và vênh tai nghe ngóng.

Nguyễn Khắc Mẫn

#### 4. Đặt câu.

- a- Viết hai câu với tiếng có chữ "s" và hai câu có chữ "x".
- b- Viết hai câu với tiếng có chữ ghép "ch" và hai câu có chữ ghép "tr".

#### 5. Sử kí.

Soạn hai câu.

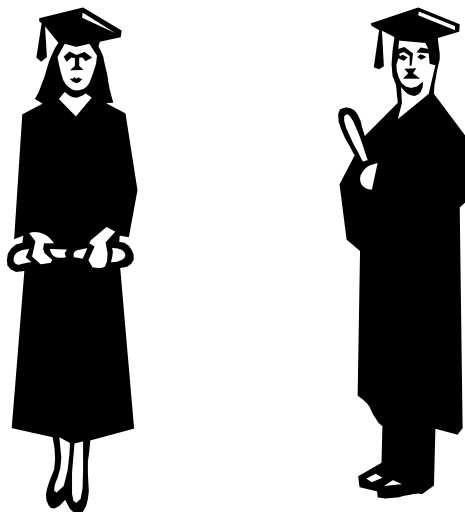
#### 6. Địa lí.

Soạn hai câu.

#### 7. Tập làm văn:

Chọn một trong hai đề tài như:

- a- Hãy tả cái tivi nhà em.
- b- Hãy tả một món quà em thích nhất trong dịp sinh nhật vừa qua.





# PHIẾU ĐIỂM THI CUỐI KHÓA \_\_\_\_\_

Cấp lớp: \_\_\_\_\_

Họ và tên học sinh: \_\_\_\_\_

Thầy cô phụ trách: \_\_\_\_\_

- Tập đọc : \_\_\_\_\_ điểm.
- Tập viết : \_\_\_\_\_ điểm.
- Chính tả : \_\_\_\_\_ điểm.
- Học thuộc lòng : \_\_\_\_\_ điểm.
- Việt sử: \_\_\_\_\_ điểm.
- Địa lí : \_\_\_\_\_ điểm.
- Bài làm trong lớp : \_\_\_\_\_ điểm.
- Bài làm ở nhà : \_\_\_\_\_ điểm.
  
- Số lần đi trễ : \_\_\_\_\_ lần.
- Số ngày vắng mặt : \_\_\_\_\_ ngày.
  
- Hạnh kiểm : \_\_\_\_\_

Lời phê của thầy cô phụ trách :

.....  
.....  
.....  
.....

Được lên lớp:            có                không   

Ý kiến phụ huynh :

.....  
.....  
.....  
.....



## Quốc Ca Việt Nam

Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi.  
Đồng lòng cùng đi hi sinh tiếc gì thân sống.  
Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên,  
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.  
Dù cho thây phơi trên gươm giáo,  
Thù nước lấy máu đào đem báo.  
Nòi giống lúc biến, phải cần giải nguy.  
Người công dân luôn vững bền tâm trí.  
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi,  
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời.  
Công dân ơi, mau hiến thân dưới cờ,  
Công dân ơi, mau làm cho cõi bờ,  
Thoát cơn tàn phá, vẻ vang nòi giống,  
Xứng danh ngàn năm giòng giống Lạc Hồng.

*Lưu Hữu Phước*

## Việt Nam Việt Nam

Việt Nam, Việt Nam nghe từ vào đời,  
Việt Nam, hai tiếng nói bên vành nôi,  
Việt Nam nước tôi.  
Việt Nam, Việt Nam tên gọi là người,  
Việt Nam, hai tiếng nói sau cùng khi lìa đời.  
Việt Nam, đây miền xinh tươi,  
Việt Nam, đem vào sông núi,  
Tự Do, Công Bình, Bác Ái muôn đời.  
Việt Nam, không đòi xương máu,  
Việt Nam, kêu gọi thương nhau,  
Việt Nam, đi xây đắp yên vui dài lâu.  
Việt Nam, trên đường tương lai,  
Lửa thiêng soi toàn thế giới.  
Việt Nam, ta nguyện tranh đấu cho đời.  
Tình yêu đây là khí giới,  
Tình thương đem về muôn nơi,  
Việt Nam, đây tiếng nói đi xây tình người.  
Việt Nam, Việt Nam.  
Việt Nam, quê hương đất nước sáng ngời.  
Việt Nam, Việt Nam, Việt Nam muôn đời.

*Phạm Duy*

## Tài liệu tham khảo:

- **Việt Nam Tự Điển.**  
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Tự Điển Việt Nam.**  
Thanh Nghị.
- **Việt Nam Sử Lược.**  
Trần Trọng Kim
- **Chúng Em Cùng Học.**  
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.
- **Thơ Tuổi Thơ**  
Nguyễn Hữu Bào.
- **Em Học Việt Ngữ, Tập 6**  
Trung Tâm Việt Ngữ Hồng Bàng.
- **Việt Nam Tự Điển.**  
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Địa lí Việt Nam.**  
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Việt Sử Toàn Thư.**  
Phạm Văn Sơn
- **Quốc Văn Giáo Khoa Thư.**
- **Tài Liệu của Bộ Quốc Gia Giáo Dục,**  
V.N.C.H

